



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



04

**ĐÁNH GIÁ
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị

Cơ cấu bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

TỔ. P. BÌNH THO, Q. THỦ ĐỨC. TP. HCM. ĐT: 028.38960240 - 028.38960241

ĐIỂM ĐÓNG TIỀN NƯỚC

GẦN NHÀ BẠN

Thanh toán tiền nước bằng các phương thức sau:

- Hiện tiền mặt
- Chuyển khoản ngân hàng
- Thanh toán qua thẻ
- Thanh toán qua ứng dụng
- Thanh toán qua website

Địa chỉ: [www.tuoc.vn](#)

Liên hệ: [028.38960240](#)

Địa chỉ: [www.tuoc.vn](#)

CHĂM TAY

TRÁNH SỬ DỤNG NƯỚC

TRÁNH SỬ DỤNG NƯỚC

TRÁNH SỬ DỤNG NƯỚC

TRÁNH SỬ DỤNG NƯỚC

TRÁNH SỬ DỤNG NƯỚC

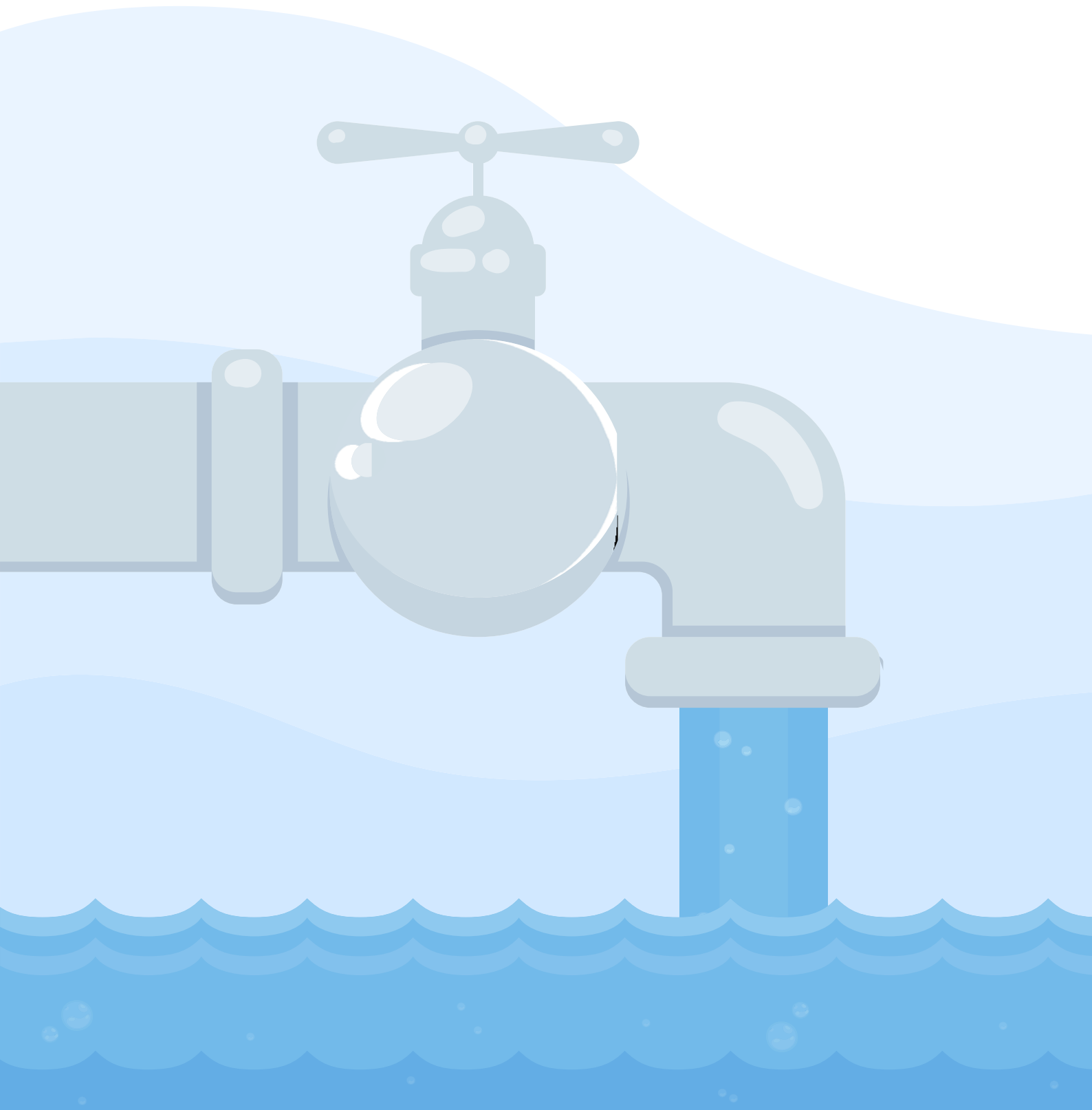
TRÁNH SỬ DỤNG NƯỚC

SIÊU CỬA CHẠY

TRÁNH SỬ DỤNG NƯỚC

01







THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Tên tiếng Anh:	THU DUC WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
GCNDKDN	Số 4103005935 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304803601 ngày 28 tháng 04 năm 2021.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	85.000.000.000 (Tám mươi lăm tỷ đồng)
Địa chỉ:	8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại:	19001012
Số fax:	(84.28) 3896 0241
Website:	www.capnuocthuduc.vn
Mã cổ phiếu:	TDW

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tiền thân là Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức - Biên Hoà, đơn vị trực thuộc Công ty Cấp nước TP.HCM. Chi nhánh được thành lập theo quyết định số 202/QĐ-TCNSTL của Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh, có con dấu riêng để giao dịch theo quy định của Nhà nước



Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức chính thức đi vào hoạt động với chức năng: Quản lý, thi công, tu bổ sửa chữa, cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước trên địa bàn Quận 2, Quận 9, Quận Thủ Đức, khu công nghiệp Biên Hoà và một phần của huyện Thuận An - tỉnh Bình Dương;



Chi nhánh chính thức áp dụng quy chế phân cấp quản lý trong Công ty Cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 832/QĐ-CN-TCLĐTL ngày 09/02/2004, chi nhánh chính thức chuyển toàn bộ mạng lưới cấp nước khu vực phía bắc cầu Đồng Nai cho Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp thoát nước Đồng Nai;



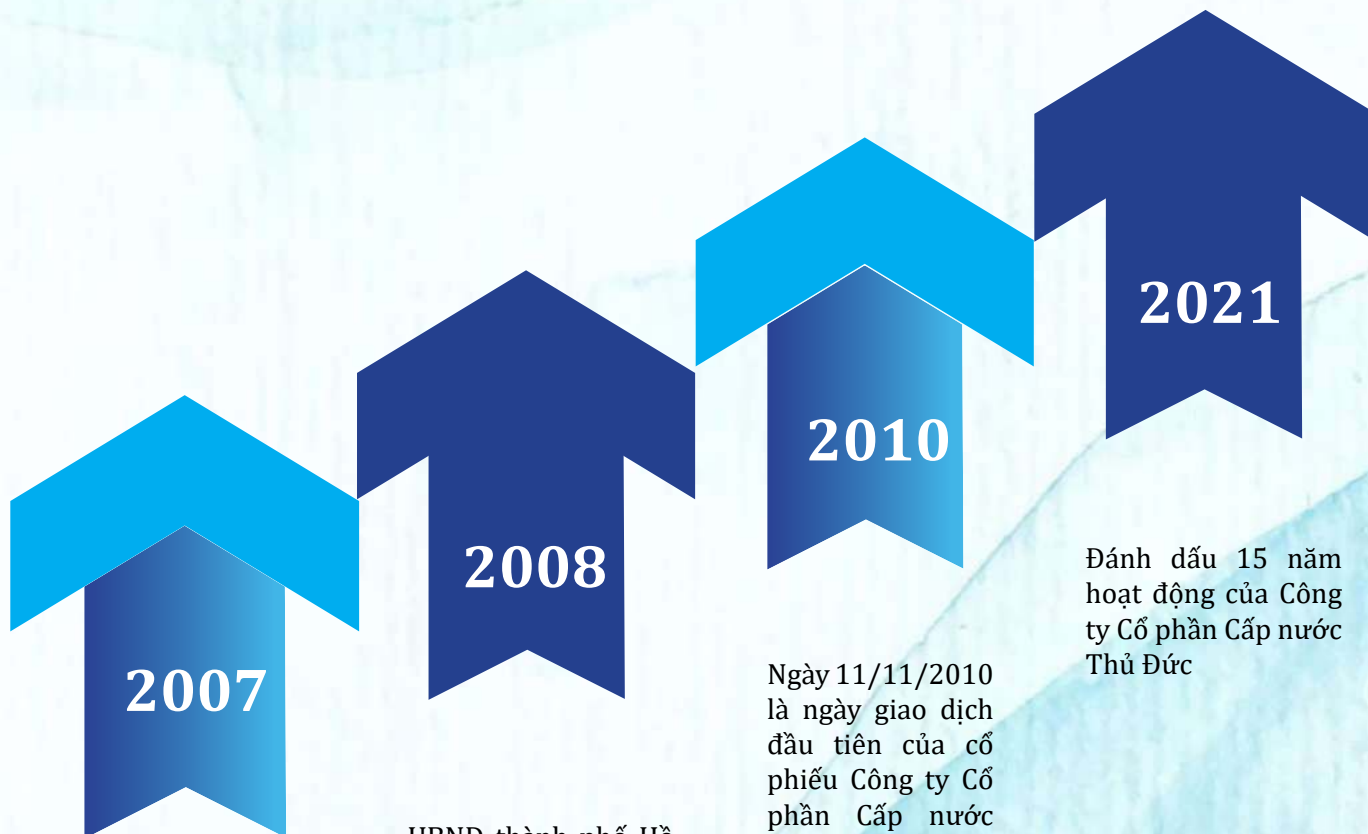
UBND thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 6662/QĐ-UBND phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức

1991

1992

2004

2005



2007

Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18/01/2007

2008

UBND thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 1277/QĐ-UBND về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước đến thời điểm quyết toán chuyển thể của Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

2010

Ngày 11/11/2010 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức niêm yết trên sàn HOSE

2021

Đánh dấu 15 năm hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Khai thác, xử lý và cung cấp nước:

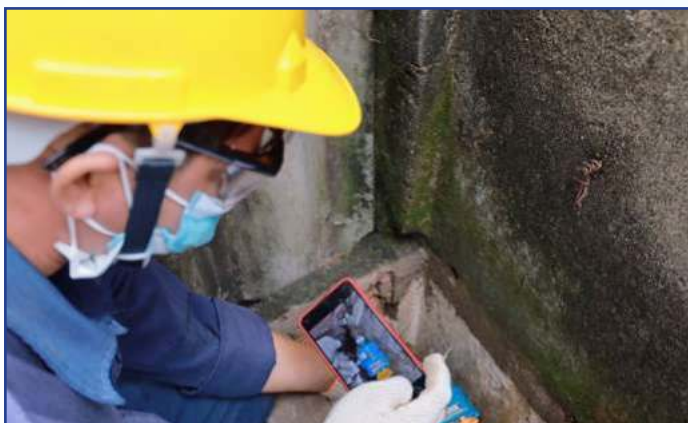
- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn).

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:

- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng).

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:

- Xây dựng công trình cấp nước;
- Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác



Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu ở khu vực quận 2, quận 9, quận Thủ Đức (hiện nay là Thành phố Thủ Đức).





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

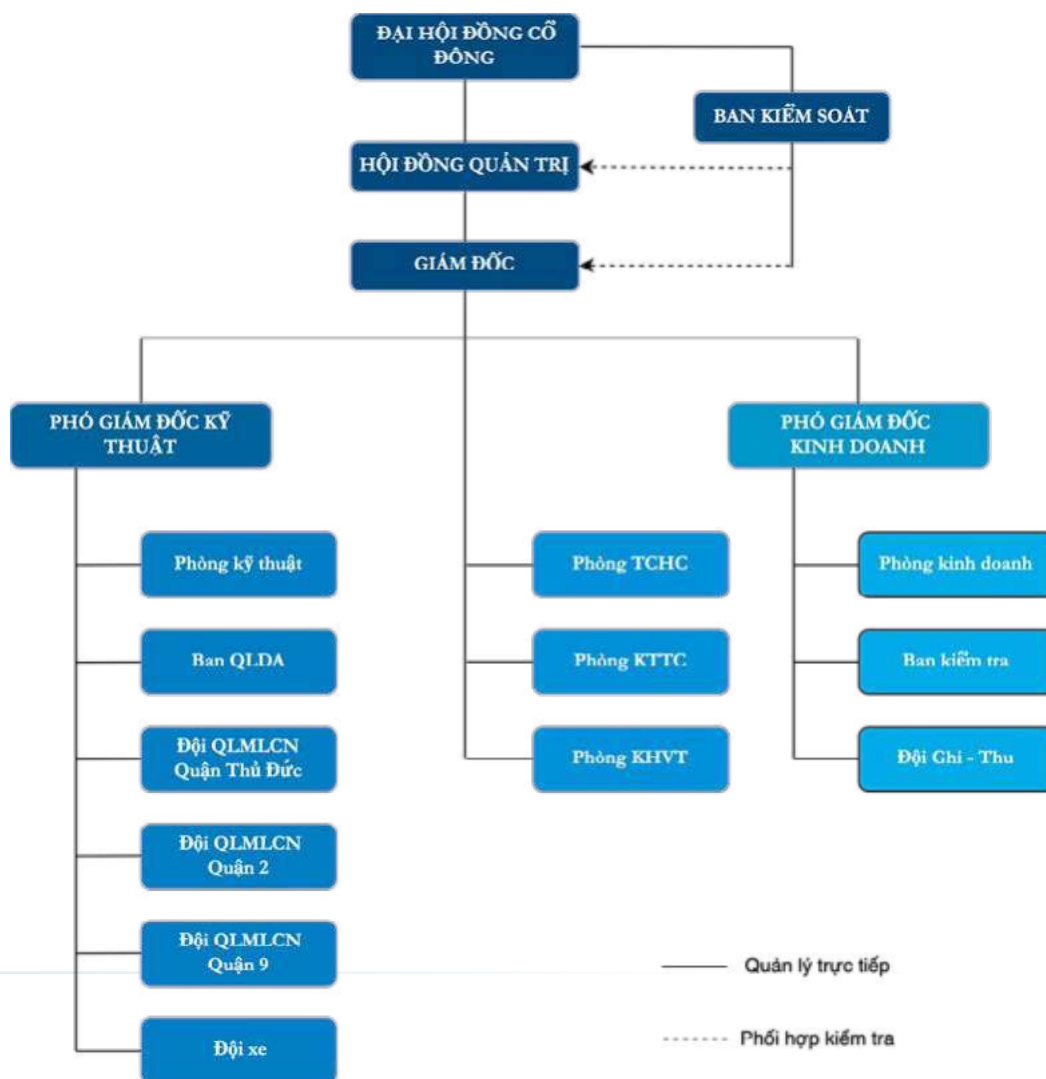
Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình quản trị gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Giám đốc.



Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết: Không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước, với đặc thù và tính thiết yếu của sản phẩm trong đời sống sinh hoạt của mọi người dân, TDW đặt ra cho mình các mục tiêu phát triển chủ yếu sau:

- Đảm bảo nguồn cung cấp nước ổn định, liên tục, chất lượng đạt chuẩn của Bộ Y Tế đến với mọi khách hàng;
- Bảo vệ quyền lợi và lợi ích kinh tế của Cổ đông;
- Sử dụng và phát triển nguồn vốn hiệu quả, tối đa hoá lợi nhuận;
- Áp dụng kỹ thuật hiện đại vào hệ thống ống dẫn, thiết bị vận hành nhằm nâng cao năng suất hoạt động và hạn chế thất thoát nước;
- Tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ Nhà nước;
- Tỷ lệ thất thoát thất thu vào khoảng 14,70%.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong bối cảnh tốc độ đô thị hoá nhanh, nhu cầu nước sạch đang ngày càng gia tăng. Nhận thức được tầm quan trọng và tính cấp thiết của nguồn nước sạch đối với cộng đồng và xã hội, TDW đã đề ra một số chiến lược trung và dài hạn sau:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, áp dụng công nghệ số vào hệ thống quản lý và dịch vụ của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích an sinh xã hội mà vẫn đảm bảo tối ưu hoá lợi ích kinh tế;
- Thực hiện công tác mở rộng quy mô mạng lưới hệ thống cung cấp nước nhằm tiếp cận đến những khách hàng tiềm năng của doanh nghiệp;
- Kiểm tra hệ thống dẫn nước, thiết bị định kỳ nhằm đảm bảo nguồn nước đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Bộ Y Tế, đồng thời hạn chế tối thiểu thất thoát nước trong quá trình truyền dẫn nước đến người dân;
- Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để người dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Tuân thủ nghiêm ngặt mọi quy phạm của Nhà nước về thi công mạng lưới cấp nước, bảo vệ hệ thống công trình ngầm nói riêng và cơ sở vật chất hạ tầng nói chung; áp dụng đúng các quy định chuyên môn về kỹ thuật của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.





CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Làn sóng dịch lần thứ 4 bùng phát mạnh mẽ tại Thành phố Hồ Chí Minh ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh tế của cả nước. Đến những tháng cuối năm, công cuộc phòng chống dịch bệnh đã có chiều hướng tích cực hơn rất nhiều, khi độ bao phủ vaccine phòng ngừa Covid-19 cao và Chính phủ tiếp tục triển khai tiêm mũi 3 tăng cường. Điều này giúp nền kinh tế trong nước hoạt động trở lại tốt hơn, đây được xem là một thành công lớn của nước ta trong việc phòng chống dịch bệnh. Bên cạnh đó, một vài lĩnh vực giữ vai trò thiết yếu trong đời sống của người dân như điện lực, dược phẩm, tiêu dùng thiết yếu, cấp nước đường như không có quá nhiều biến động.

Nền kinh tế trong nước và cả thế giới đang dần hồi phục trở lại, nhịp sống của người dân dần dần bình thường hóa. Tuy vậy, Công ty vẫn luôn dự trù phương án hạn chế rủi ro và tận dụng những cơ hội sẵn có một cách triệt để với triển vọng TDW sẽ tạo ra sự tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm tới.

Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức chịu sự ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong tương lai, hệ thống pháp luật có thể sẽ được điều chỉnh để phù hợp với tình hình kinh tế trong từng giai đoạn. Ý thức được những hạn chế phải đổi mới, Công ty luôn linh hoạt trong các mặt của hoạt động sản xuất kinh doanh để phù hợp với các quy định.

Rủi ro khác

Công ty nằm ở khu vực ít chịu sự tác động của thiên tai như: bão, cháy rừng, lũ lụt, hạn hán,... Mặc dù vậy, ban lãnh đạo luôn luôn chủ động nắm bắt tình để kịp thời ứng phó các rủi ro bất ngờ nhằm hạn chế tối đa tổn thất cho doanh nghiệp.



Rủi ro kinh tế

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Rủi ro lãi suất:

Mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm trong các năm qua khi tình hình dịch bệnh Covid – 19 vẫn còn kéo dài. Trong năm 2021, mặt bằng lãi suất ổn định và lãi suất cho vay giảm, mặc dù với áp lực lạm phát như hiện nay cùng với việc các Ngân hàng trung ương lớn trên thế giới thay đổi chính sách liên tục, thậm chí là tăng lãi suất. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vẫn đang có chủ trương tiếp tục khuyến nghị các tổ chức tín dụng cắt giảm chi phí từ nhiều nguồn khác nhau để tiếp tục giảm thêm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid – 19. Chính vì thế, TDW luôn thực hiện quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi.

Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính).

Rủi ro tài chính

Thất thoát nước luôn là vấn đề cần khắc phục đối với tất cả doanh nghiệp trong ngành cấp nước. Nguyên nhân chủ yếu do ống dẫn nước bị bể, rò rỉ các đầu nối ống dẫn,... Vì hệ thống mạng lưới cấp nước phức tạp và liên kết trực tiếp đến cơ sở hạ tầng, nên công tác sửa chữa cần nhiều thời gian, chi phí và nguồn lực. Do đó, trong năm Công ty đã tiến hành áp dụng khoa học kỹ thuật và quá trình theo dõi, giám sát lượng nước nhằm giảm thiểu tối đa lượng nước thất thoát và nâng cao năng lực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





02



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

STT	Nội dung	Đvt	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH/KH 2021	Tỷ lệ TH 2021/TH 2020
-----	----------	-----	----------------	---------------	----------------	------------------	-----------------------

A. Sản xuất kinh doanh

1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN[1])	1000m ³	96.652	102.000	97.264	95,36%	100,63 %
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	Triệu đồng	1.001.918	1.119.280	1.034.059	92,39%	103,21%
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100	100%	100%
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	12	15,30	14,16	thấp hơn 1,14% so với kế hoạch	cao hơn 2,16% so với 2020

B. Tài chính

1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.014.524	1.128.240	1.049.485	93,02%	103,45%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	35.495	38.519	32.015	83,12%	90,20%
3	Cổ tức	%	12	12	12	100%	0,00%

[1] Đồng hồ nước

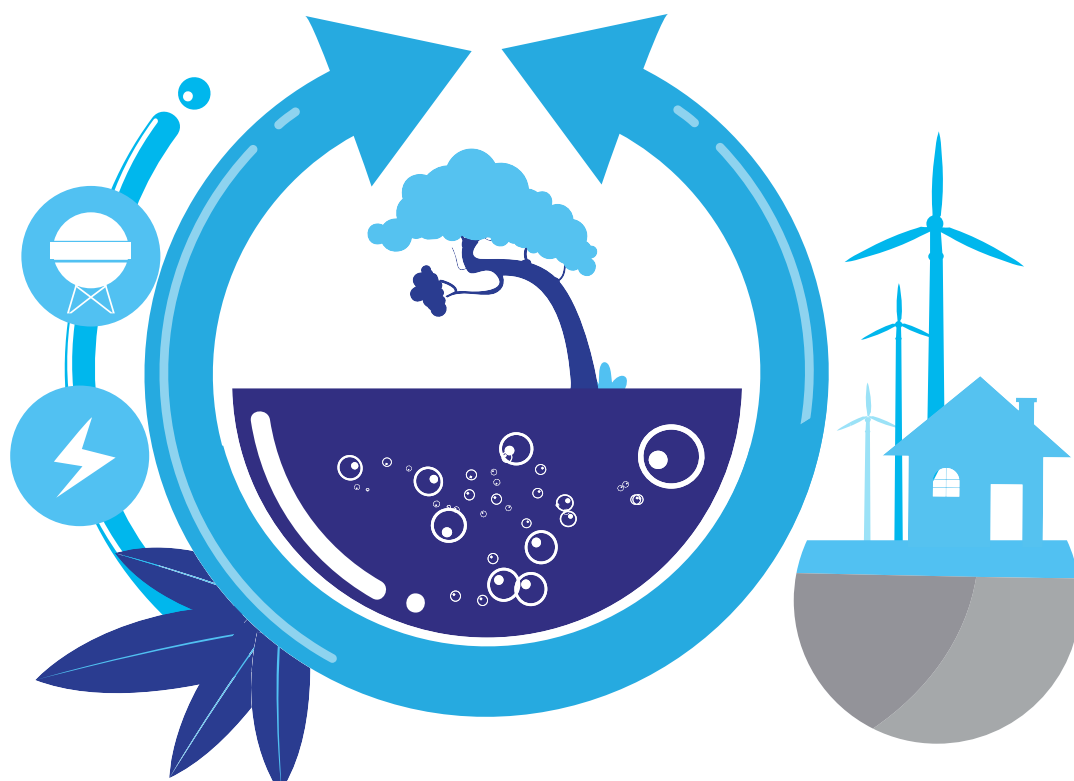


Đồng hành cùng Chính phủ giúp Việt Nam vượt qua những khó khăn khi Covid-19 diễn biến phức tạp, TDW đã thực hiện giảm tiền sử dụng nước sinh hoạt cho người dân, đồng thời không thu tiền nước đối với các khu cách ly tập trung, bệnh viện dã chiến. Do đó, việc thực hiện kế hoạch đã đặt ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021 trở nên khó khăn hơn với Doanh thu tiền nước đạt 1.034 tỷ đồng đạt 92,39% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 3,97% so với chỉ tiêu thực hiện năm 2020.

Trong công tác giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã có nhiều giải pháp phù hợp để kiềm hãm tỷ lệ thất thoát nước và đưa tỷ lệ thất thoát nước năm 2021 đạt 14,16% và hoàn thành xuất sắc mục tiêu đã đề ra.

Một số điểm nổi bật trong công tác giảm thất thoát nước:

- Tăng cường tỉ lệ dò bể ngầm từ 18% đến 26,9%, giải quyết được các nguy cơ tiềm ẩn rủi ro mạng lưới giảm mạnh tỉ lệ thất thoát nước cơ học.
- Nghiên cứu và triển khai ứng dụng xe ứng phó sự cố tăng cường tính chủ động trong công tác sửa bể, rút ngắn thời gian sửa bể cũng như cải thiện tình trạng khó khăn trong việc vận chuyển vật tư ra hiện trường một cách nhanh chóng.
- Đẩy mạnh công tác quản lý mạng lưới, ứng dụng khoa học kỹ thuật, triển khai GIS và cập nhật hoàn chỉnh hệ thống đường ống mạng lưới cấp nước.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ (%)
1. Nước tiêu thụ	1000m ³	102.000	97.264	95,36
2. Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	1.119.280	1.034.059	92,39%
3. Gắn mới ĐHN	Cái	8.000	4.888	61,10
4. Thay ĐHN cỡ nhỏ	Cái	33.793	41.822	123,76
5. Thay ĐHN cỡ lớn	Cái	81	108	133,33
6. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100
7. Tỷ lệ thất thoát nước	%	15,30	14,16	(1,14)





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 bùng phát trên diện rộng và kéo dài trên khắp địa bàn Thành phố Thủ Đức. Thực hiện theo Chỉ thị số 12-CT/TU và Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện giãn cách xã hội trên toàn địa bàn Thành phố, các hoạt động của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, nhà hàng khách sạn và các trung tâm thương mại giải trí,... phải ngừng hoạt động từ 31/5/2021 đến hết ngày 30/9/2021 dẫn đến lượng nước tiêu thụ giảm mạnh, hoạt động của công ty gặp rất nhiều khó khăn.

Bằng nhiều giải pháp, nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, cải tiến trong công tác quản lý, Công ty đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, cụ thể như sau:

Về hoạt động Kinh doanh

Sản lượng nước tiêu thụ trung bình trong năm 2021 đạt 97.264 triệu m³ đạt 95,36% so với kế hoạch; Số lượng đồng hồ nước được thay mới đạt 41.930 ĐHN, trong đó ĐHN cỡ nhỏ đạt 41.822 ĐHN đạt 123,75%, thay đồng hồ nước cỡ lớn đạt 108 ĐHN đạt 133,33% kế hoạch năm 2021; Công tác gắn mới đồng hồ nước năm 2021 đạt 4.888 đồng hồ, bằng 61,10% so với kế hoạch năm; 100% các hộ dân trong khu vực đều được tiếp cận với nguồn nước sạch, với tiêu chuẩn an toàn tuân theo Bộ Y tế.

Về hoạt động đầu tư xây dựng

Sau khi Thành phố Hồ Chí Minh chuyển sang giai đoạn bình thường mới, mặc dù tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư có chậm so với kế hoạch ban đầu, nhưng với nỗ lực của tập thể, đến cuối năm 2021 Công ty đã đạt được kết quả như sau:

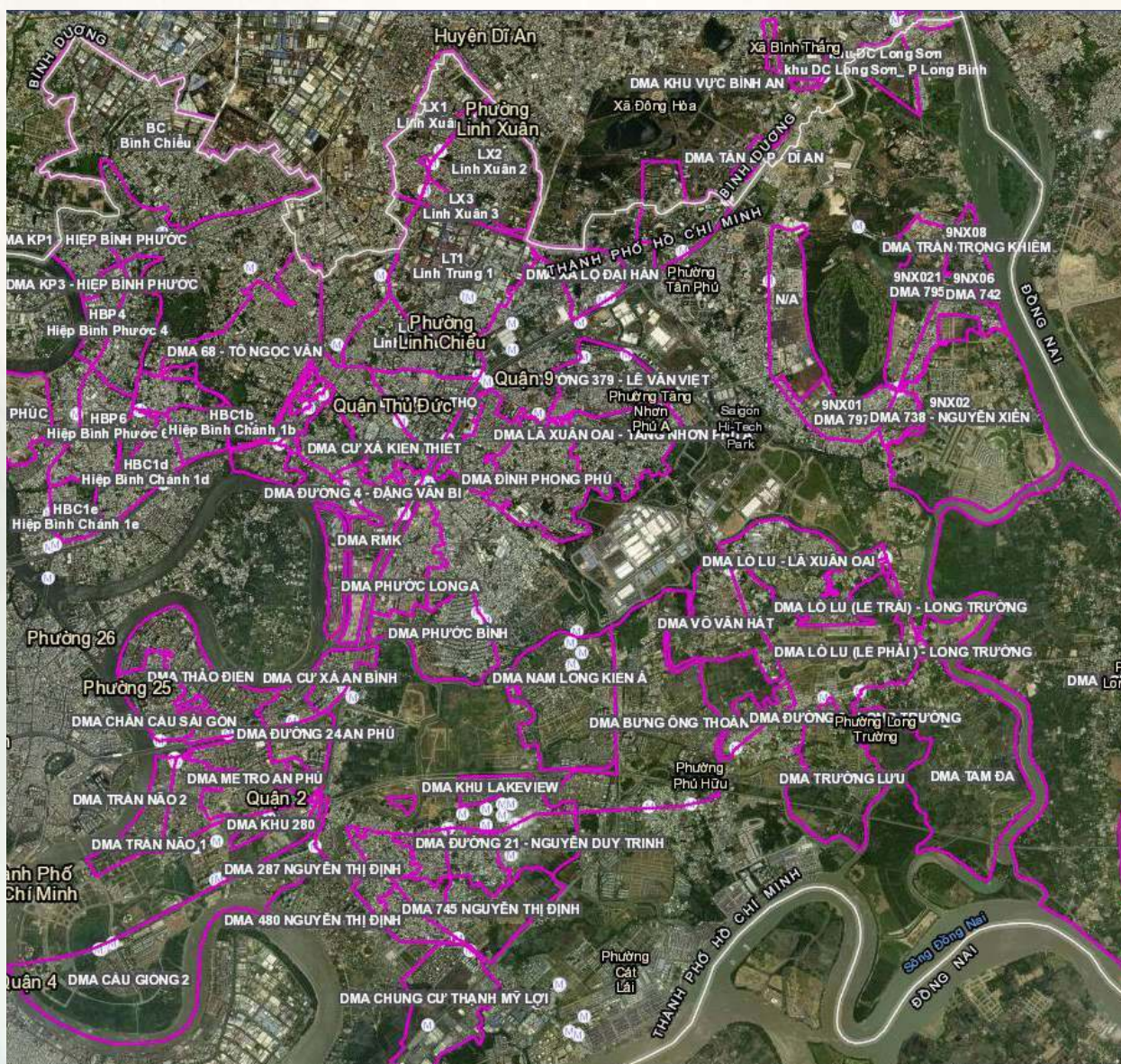
- Hoàn tất thi công và lắp đặt 7.824m tăng 2.834m so với năm 2020 và đạt 65,53% so với kế hoạch năm 2021;
- Công ty thực hiện cải tạo 1.752m ống, đạt 62,95% so với kế hoạch năm;
- Công tác sửa chữa ống mục là 5.857m đạt 36,25% so với kết hoạch.

Về công tác quản lý, vận hành, kiểm soát mạng lưới cấp nước

Tổng số DMA (District Meter Area) đã được đưa vào vận hành là 93 DMA, trong đó từ đầu năm 2021 đến nay đã có 05 DMA được đưa vào hoạt động và triển khai công tác giảm nước thất thoát thất thu:

- 01 DMA trên địa bàn Khu vực 1 (Quận 2 cũ): Chân cầu Sài Gòn (Tách một phần đầu nối từ DMA Thảo Điền - An Phú thành lập tiểu vùng DMA Chân cầu Sài Gòn).
- 04 DMA trên địa bàn Khu vực 3 (Quận Thủ Đức cũ): Linh Trung - Kha Vạn Cân, Đại Học Quốc Gia, Đường 16 Hiệp Bình Chánh, DMA Bình Thọ tách thành Bình Thọ - Hữu Nghị và Bình Thọ - Dân Chủ.

Kết quả đạt được như trên đã phản ánh tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc của tập thể cán bộ, công nhân lao động toàn Công ty.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành



ÔNG
NGUYỄN TỔNG ĐĂNG KHOA
CHỦ TỊCH ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG
NGUYỄN NGỌC HÙNG
THÀNH VIÊN ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM GIÁM ĐỐC



ÔNG
ĐẶNG ĐỨC HIỀN
THÀNH VIÊN ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG
LÊ TRỌNG THUẬN
THÀNH VIÊN ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG
TRƯƠNG KHẮC HOÀN
THÀNH VIÊN ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG
NGUYỄN ANH TUẤN
THÀNH VIÊN ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ
NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



ÔNG
HOÀNG NGỌC LÂM
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



BÀ
NGUYỄN THỊ NGỌC OANH
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



ÔNG
NGUYỄN THỊ THANH THẢO
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



ÔNG
LÂM TỨ DUY
PHÓ GIÁM ĐỐC



ÔNG
NGUYỄN TUẤN NGỌC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ÔNG
CAO HỮU LỘC
KẾ TOÁN TRƯỞNG



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG

NGUYỄN TỐNG ĐĂNG KHOA
CHỦ TỊCH ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1974

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - 1.083.750 cổ phần chiếm 12,75% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

- 1997 - 1999 Nhân viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật Vật tư - Công ty Cấp nước.
- 1999 - 2005 Nhân viên phòng Kỹ thuật - Công ty Cấp nước.
- 2005 - 2006 Phó Giám đốc Kỹ thuật - Chi nhánh Cấp nước Phú Hòa Tân - Công ty Cấp nước.
- 2006 - 2007 Phó phòng Kỹ thuật Công nghệ - Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn
- 2007 - 2008 Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
- 2008 - 2017 Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- 2017 - Nay Người đại diện vốn góp của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn tại Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Chức danh quản lý tại công ty khác: Không có



ÔNG
NGUYỄN NGỌC HÙNG
THÀNH VIÊN ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản lý Xây dựng

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - 1.083.750 cổ phần chiếm 12,75% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

1999 - 2000	Cán bộ Kỹ thuật - Trung tâm Kiến trúc miền Nam - Viện Nghiên cứu Kiến trúc - Bộ Xây Dựng
2000 - 2003	Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Tư vấn và Đầu tư Kỹ thuật Cơ điện - Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy Lợi - Bộ Nông nghiệp và PTNT
2003 - 2004	Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung Phong Thành phố Hồ Chí Minh
2004 - 2006	Nhân viên Kỹ thuật - Chi nhánh Cấp nước Gia Định - Công ty Cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh
2006- 2007	Tổ trưởng Kỹ thuật - Chi nhánh Cấp nước Gia Định - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV
2007 - 2012	Phó phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV
2007 - 2012	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2014 - 2017	Giám đốc - Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định -
2017 - 2021	Trưởng Ban Quản Lý Dự án- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV
2021 - Nay	Tháng 2/2021 - tháng 4/2021: Chuyên viên Phòng Tổ chức Nhân sự - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV; Tháng 4/2021 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Chức danh quản lý tại công ty khác: Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG

ĐẶNG ĐỨC HIỀN

THÀNH VIÊN ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1969

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - 1.083.750 cổ phần chiếm 12,75% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

- 2007 - 2015 Phó trưởng phòng Kế toán tài chính Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn
- 2015 - 2020 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán tài chính Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
- 2015 - 2020 Kiêm nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Giao Công Chánh
- 2017 - Nay Kiêm nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ lớn
- 2020 - Nay Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chức danh quản lý tại công ty khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giao thông Công Chánh.
- Phó tổng giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn



ÔNG
LÊ TRỌNG THUẬN
THÀNH VIÊN ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - 1.083.750 cổ phần chiếm 12,75% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

1996 - 1997	Chuyên viên Công ty xây dựng X 59, Bộ Quốc Phòng
1997 - 2004	Chuyên viên Ban KHKT Chi nhánh Cấp nước Gia Định
2004 - 2005	Tổ trưởng tổ Kế hoạch Chi nhánh Cấp nước Gia Định
2006 - 2007	Trưởng phòng KHVT Chi nhánh Cấp nước Gia Định
2007 - 2012	Trưởng phòng KHVT Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2012 - 2019	Đảng uỷ viên; Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2019 - Nay	Trưởng phòng Kinh doanh Dịch vụ khách hàng Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chức danh quản lý tại công ty khác:

Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG

TRƯƠNG KHẮC HOÀN

THÀNH VIÊN ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện - 0 cổ phần

Quá trình công tác:

1994 - 1995	Kế toán trưởng - Công ty LD Vifon ACECOOK
1995 - 1996	Kế toán trưởng - Công ty TNHH Control Techniques (Vn)
1998 - 2004	Phó giám đốc - Công ty Nước và Môi trường (Waco)
2005 - 2012	Tổng/Phó giám đốc - Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức
2012 - 2018	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn
2018 - 2020	Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp
2021 - Nay	Giám đốc - Công ty TNHH Nước sạch REE Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chức danh quản lý tại công ty khác:

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH TK Cộng
- Giám đốc Công ty TNHH Nước sạch REE



ÔNG

NGUYỄN ANH TUẤN
THÀNH VIÊN ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Thủy lợi

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện - 0 cổ phần

Quá trình công tác:

- 2003 - 2006 Nghiên cứu viên - Viện khoa học Thủy lợi Miền Nam
- 2006 - 2008 Quản lý phòng KT - Công ty TNHH Tư vấn Thủy điện PQH
- 2008 - 2012 Phó Tổng giám đốc - Công ty CP Cấp nước Sài Gòn - Dầu Tiếng
- 2012 - 2015 Trưởng phòng Đầu tư - Tổng công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí
- 2015 - Nay Chuyên viên dự án nước - Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh
- 2021 - Nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chức danh quản lý tại công ty khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định (GDW)
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè (NBW)
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà (KHW)
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (VCW)



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



BÀ

NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện - 0 cổ phần

Quá trình công tác:

1992 - 2002	Nhân viên Đội Quản lý đồng hồ nước - Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức - Biên Hoà
2002 - 2003	Phụ trách Tổ Tài vụ - Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức - Biên Hoà
2004 - 2007	Phó Trưởng ban Kế toán tài chính - Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức Biên Hoà
2007 - 2020	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
2020 - Nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chức danh quản lý tại công ty khác: Không có



ÔNG

HOÀNG NGỌC LÂM
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện - 0 cổ phần

Quá trình công tác:

1996 - 2001	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Tín Phong
2001 - 2004	Nhân viên kế toán Chi nhánh miền Nam Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông số 5
2004 - Nay	Công tác tại Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV.
2017 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chức danh quản lý tại công ty khác: Không có



BÀ

NGUYỄN THỊ NGỌC OANH
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1978

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện - 0 cổ phần

Quá trình công tác:

- 2006 - Nay Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro tại Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh
- 2021 - Nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chức danh quản lý tại công ty khác:

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần B00 Thủ Đức
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần địa ốc Sài Gòn



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG

NGUYỄN THỊ THANH THẢO
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện - 0 cổ phần

Quá trình công tác:

- 1996 - 1997 Công ty Tư nhân về XD tại cầu Rạch Chiếc Quận 2
- 1998 - 2002 Công ty Dược phẩm Thiên Vinh và nghề tự do
- 2003 - Nay Công tác tại phòng Kế toán Tài chính Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn- TNHH MTV
- 2017 - Nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chức danh quản lý tại công ty khác: Không có



ÔNG
LÂM TỬ DUY
PHÓ GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ Kỹ thuật

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện - 0 cổ phần

Quá trình công tác:

- 2000 - 2001 Nhân viên kế toán Công ty Thi công Cơ giới 6
- 2001 - 2003 Nhân viên kế toán Công ty Tín Nghĩa –Cảng ICD Biên Hòa
- 2003 - 2010 Nhân viên kế toán Tổng công Cấp nước Sài Gòn
- 2010 - 2012 Phó trưởng phòng Kế toán Tài chính Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
- 2012 - Nay Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chức danh quản lý tại công ty khác: Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG
NGUYỄN TUẤN NGỌC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1984

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý xây dựng

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện - 0 cổ phần

Quá trình công tác:

2007 - 2008	Nhân viên Đội Thi công, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2008 - 2009	Nhân viên Đội Thi công 2, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2009 - 2011	Nhân viên P.QLGNKDT, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2011 - 2012	Nhân viên Phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2012 - 2014	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2014 - 2017	Trưởng Phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2017 - 2020	Phó Bí thư CB 4, Trưởng phòng P.Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2020 - 2021	Đảng ủy viên, Bí thư CB 4, Trưởng phòng P.Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2021 - Nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chức danh quản lý tại công ty khác: Không có



ÔNG
CAO HỮU LỘC
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Số lượng cổ phần:

- Sở hữu - 0 cổ phần
- Đại diện - 0 cổ phần

Quá trình công tác:

2004 - 2006	Tổ trưởng Tổ Tổng hợp Phòng Kế toán Tài chính Công ty Cấp nước TP.HCM
2006 - 2011	Tổ trưởng Tổ Tổng hợp và Kế toán Xây dựng cơ bản Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn
2011 - 2013	Phó Chủ tịch Công đoàn Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch
2013 - 2014	Phó Ban Tài vụ, Chủ tịch Công đoàn Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch
2014 - 2020	Phó Ban Tài vụ Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch
2020 - Nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

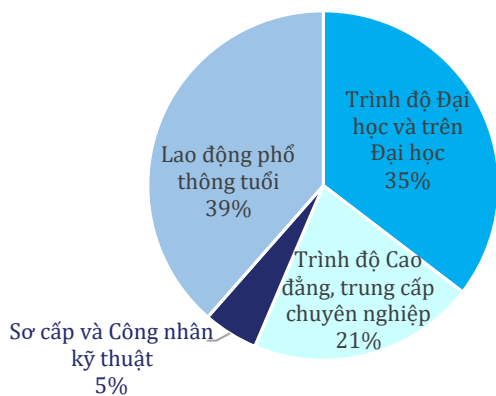
Chức danh quản lý tại công ty khác: Không có

Danh sách thay đổi thành viên Ban điều hành trong năm

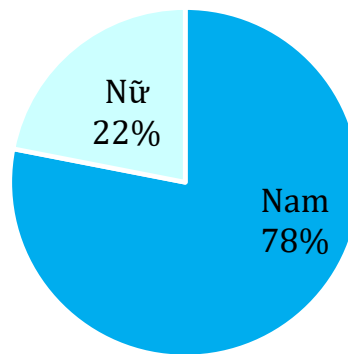
STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Ban điều hành	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Ngọc Hùng	Giám đốc	22/04/2021	
2	Nguyễn Tuấn ngọc	Phó Giám đốc	22/04/2021	
3	Hứa Trọng Nghi	Giám đốc	26/04/2018	22/04/2021
4	Nguyễn Công Minh	Phó Giám đốc	01/05/2015	22/04/2021


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
Số lượng cán bộ, nhân viên: Tính đến ngày 31/12/2021

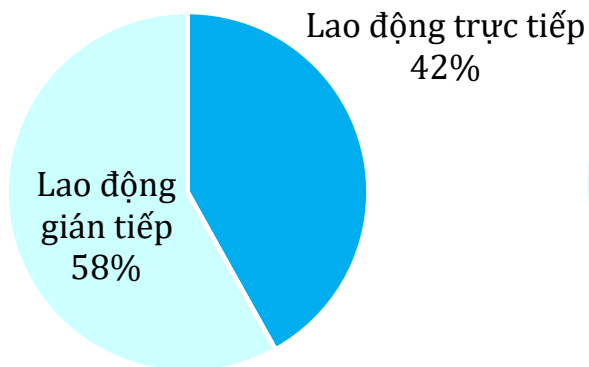
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	415	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	147	35
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	87	21
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	21	5
4	Lao động phổ thông	160	39
II	Theo đối tượng lao động	415	100
1	Lao động trực tiếp	174	42
2	Lao động gián tiếp	241	58
III	Theo giới tính	415	100
1	Nam	324	78
2	Nữ	91	22
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	415	100
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	48	12
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	367	88
V	Theo cấp quản lý	415	100
1	Quản lý cấp cao	7	2
2	Quản lý cấp trung	33	8
3	Chuyên viên, nhân viên	375	90
VI	Theo độ tuổi	415	100
1	Từ 18 đến 25 tuổi	11	3
2	Từ 25 đến 36 tuổi	128	31
3	Từ 36 đến 45 tuổi	143	34
4	Trên 45	133	32
Tổng cộng		415	100



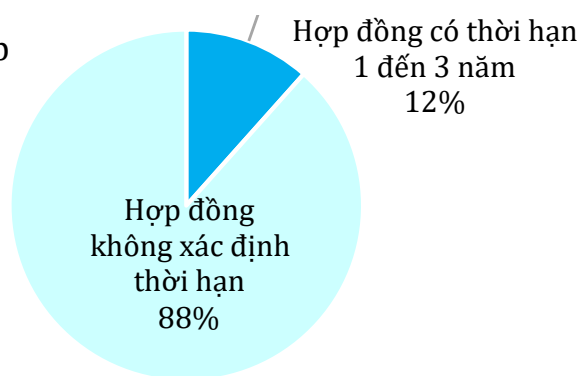
Theo trình độ lao động



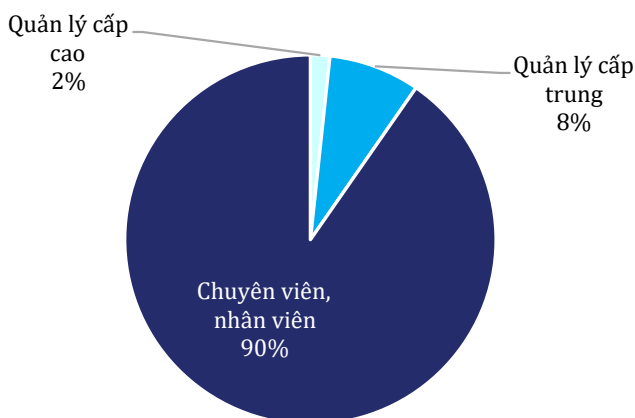
Theo giới tính



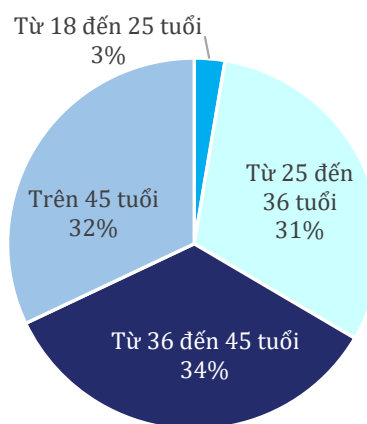
Theo đối tượng lao động



Theo tính chất hợp đồng



Theo cấp quản lý

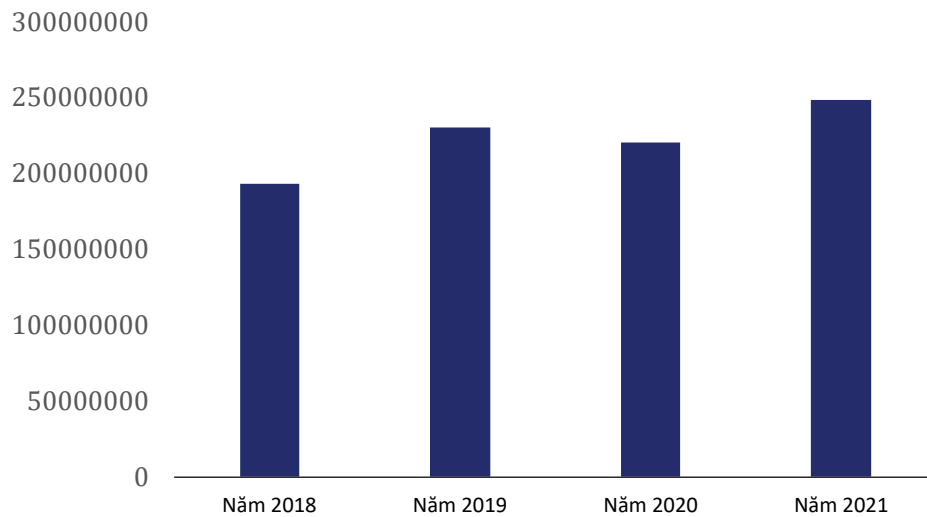


Theo độ tuổi



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Thu nhập bình quân (đồng/người/năm)	193.430.000	230.301.000	220.686.000	248.689.075



Biểu đồ thể hiện thu nhập bình quân của Cán bộ, công nhân viên



Chính sách nhân sự

Chế độ làm việc

- Sự an toàn trong quá trình làm việc của cán bộ công nhân viên luôn được Ban lãnh đạo đặt lên hàng đầu, vì vậy các trang thiết bị hỗ trợ và bảo vệ cho người lao động được Công ty lắp đặt, cung cấp đầy đủ. Bên cạnh đó, người lao động được khám sức khoẻ định kỳ tại các bệnh viện uy tín do Công ty tổ chức.
- Công ty thực hiện chế độ làm việc theo quy định của Luật Lao động 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần và bố trí thời gian nghỉ trưa thích hợp. Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn tổ chức cho người lao động tham quan, du lịch hằng năm; Tổ chức các giải thi đấu thể thao, khuyến khích nhân viên tham gia rèn luyện để tăng cường sức khoẻ.

Chính sách đào tạo

- Nguồn nhân lực luôn là yếu tố cốt lõi trong quá trình hình thành và phát triển Công ty nên chất lượng đội ngũ nhân viên được Ban lãnh đạo quan tâm. Vì vậy, các buổi đào tạo được Công ty tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn, kiến thức để đảm bảo nhân viên hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Đặc biệt đối với bộ phận lao động trực tiếp, Công ty khuyến khích nhân viên tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao tay nghề như thi nâng bậc, học các quy trình mới,... qua các khoá học ngắn hạn. Việc tổ chức đăng ký dự thi tay nghề được thực hiện đúng trường hợp, đúng thời hạn.

Chính sách lương, thưởng

- Ban lãnh đạo tin rằng chỉ những nhân viên được chăm sóc toàn diện về vật chất và tinh thần thì mới có thể tạo ra sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao và đáp ứng hiệu quả nhu cầu của khách hàng. Vì vậy, chính sách lương, thưởng luôn được công ty chú trọng và thực hiện đúng quy định. Thêm vào đó, quy chế lương, thưởng được phân bổ theo quy định của Công ty sao cho phù hợp với năng lực, tiến độ, khối lượng công việc và công bằng, bình đẳng.
- Bên cạnh đó, Công ty tổ chức đánh giá thi đua nhằm khen thưởng các cá nhân đạt thành tích tốt, thưởng đột suất với các nhân viên hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

SCOM ĐƯỜNG VÕ VĂN HÁT, PHƯỜNG LONG TRƯỜNG, QUẬN 9

Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Hình thức đầu tư	Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.
Mục tiêu đầu tư	<ul style="list-style-type: none">• Thay thế các tuyến ống hiện hữu, chống thất thoát, ô nhiễm nguồn nước;• Tăng cường lưu lượng nước cung cấp, nâng cao áp lực cho khu vực;• Giảm tỷ lệ thất thoát nước;• Phục vụ công tác quản lý, sửa chữa bảo trì hệ thống mạng lưới cấp nước.
Quy mô dự án	Lắp đặt ống Ø225 HDPE và phụ tùng: 1.808 m; Lắp đặt ống Ø180 HDPE và phụ tùng: 1.834 m
Địa điểm thực hiện dự án	Phường Long Trường, Thành phố Thủ Đức
Tổng mức đầu tư dự án	7.778.450.732 đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Quý III/2021 - tiến độ 67 ngày.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	452.221	377.502	83,48%
2	Doanh thu thuần	1.008.182	1.039.485	103,10%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	343.178	337.637	98,39%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.501	34.368	77,23%
5	Lợi nhuận khác	-522	5.571	-
6	Lợi nhuận trước thuế	43.979	39.938	90,81%
7	Lợi nhuận sau thuế	35.495	32.015	90,20%
8	Cổ tức	12%	12%	100%



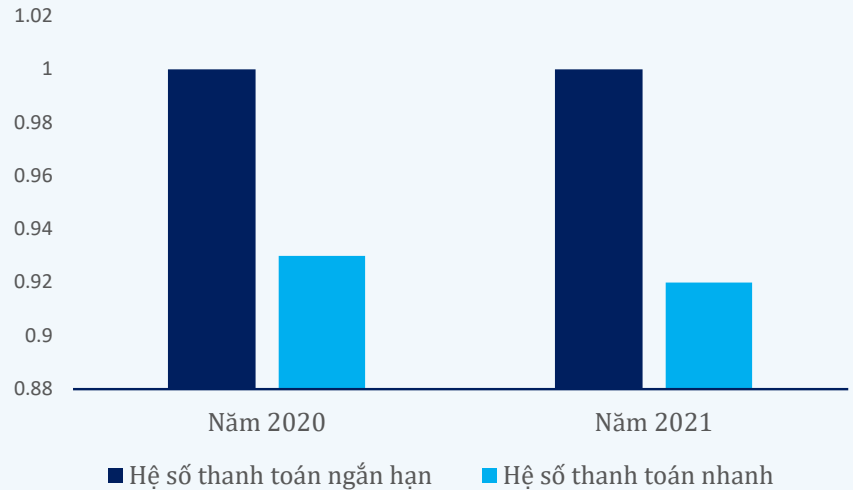
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1	1
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,93	0,92
2	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	62,75	52,81
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	168,45	111,89
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	43,88	50,52
	Vòng quay tổng tài sản	vòng	2,43	2,51
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,52	3,08
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	22,46	17,97
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,57	7,72
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	%	4,41	3,31



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

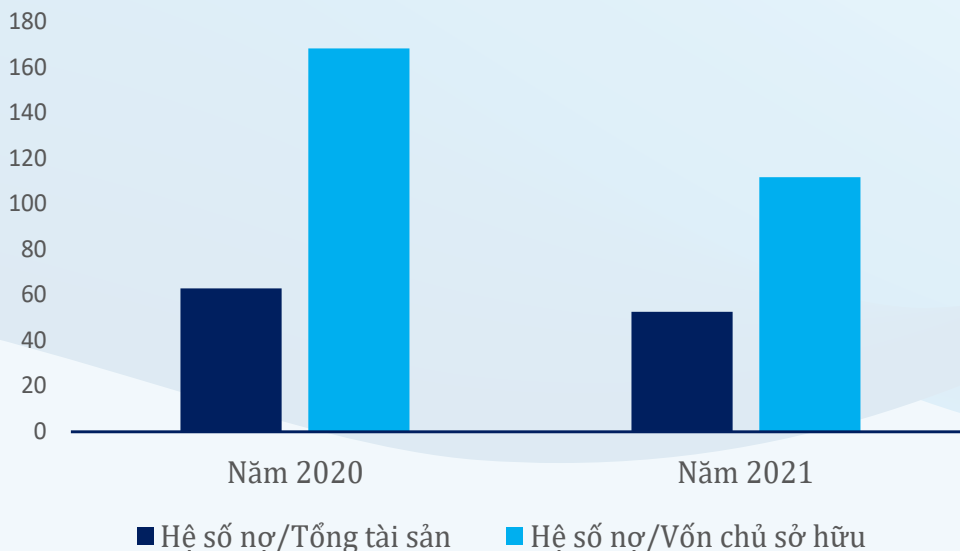
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty không có sự biến động trong năm 2021, với hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2020 và năm 2021 là 1. Nguyên nhân là do giá trị tài sản ngắn hạn và khoản nợ ngắn hạn đồng thời giảm lần lượt là 30,25% và 30,15% so với 2020. Do đó, giá trị hàng tồn kho là yếu tố quyết định đến hệ số thanh toán nhanh khi hàng tồn kho năm 2021 đạt 12.539 triệu đồng và giảm 17,74% so với năm 2020 làm cho hệ số này giảm nhẹ.



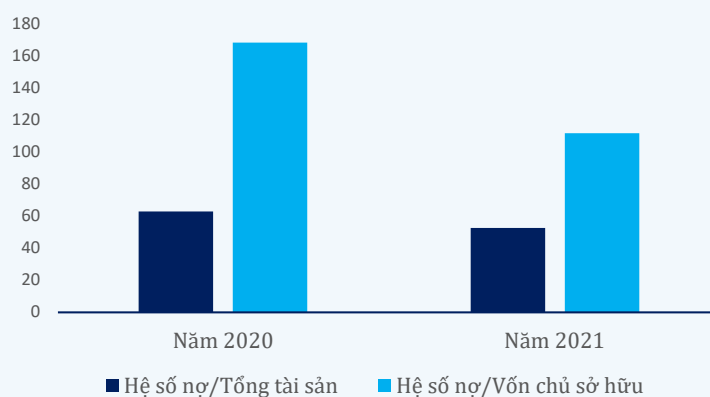
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2021 giảm nhẹ, với hệ số nợ/tổng tài sản giảm ở mức 62,75%. Do Công ty đã thanh toán các khoản nợ phải trả người bán giúp cho khoản nợ phải trả chỉ còn 199 tỷ đồng tương đương giảm 29,75% so với năm 2020, thêm vào đó cơ cấu tài sản của Công ty có sự thay đổi mạnh chủ yếu tập trung đối với giá trị tài sản ngắn hạn làm cho giá trị tổng tài sản ở mức 377 tỷ đồng năm 2021 tương đương giảm 16,52% so với năm 2020. Bên cạnh đó, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty cũng giảm ở mức 111,89%, nguyên nhân chính là do giá trị vốn chủ sở hữu đạt 178 tỷ đồng tương đương tăng 5,76% nhờ vào khoản lợi nhuận sau thuế lũy kế các năm trước vẫn chưa thực hiện phân phối hết và việc tích cực thanh toán các khoản nợ trong năm của Công ty và khoản nợ giảm đáng kể.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

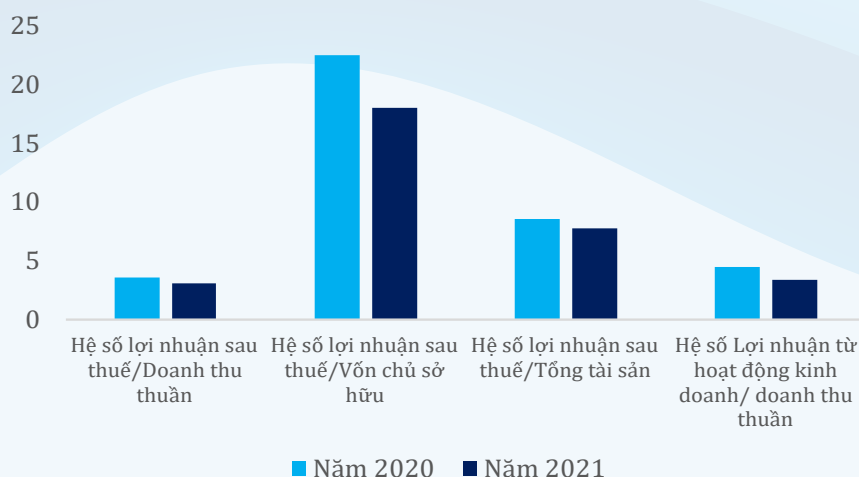
Năng lực hoạt động của TDW được thể hiện chủ yếu qua 2 chỉ số chính là chỉ số vòng quay hàng tồn kho và chỉ số vòng quay tổng tài sản. Trong năm 2021, chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 43,88 vòng lên 50,52 vòng do lượng hàng tồn kho của Công ty giảm 17,74% so với năm 2020 chủ yếu liên quan đến việc trữ nguyên liệu, vật liệu giảm và hạn chế phát sinh các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang trong ngắn hạn, trong khi đó giá vốn hàng bán tăng 5,54% so với năm 2020. Đồng thời, chỉ số vòng quay tổng tài sản cũng tăng nhẹ từ 2,43 vòng lên 2,51 vòng với việc thực hiện giảm tiền nước trên hóa đơn cho người dân bị ảnh hưởng dịch Covid-19 trên địa bàn hoạt động của Công ty do đó Doanh thu thuần chỉ tăng nhẹ 3,10% so với năm 2020 và giá trị tài sản trong năm giảm khá mạnh.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

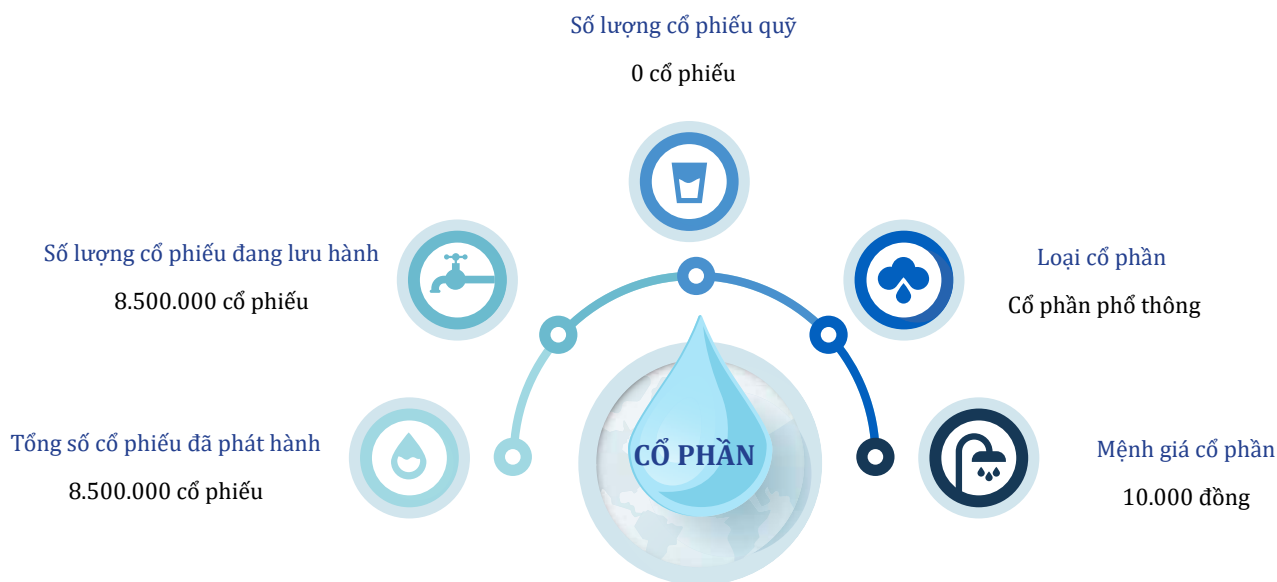
Mặc dù doanh thu cấp nước của TDW trong năm 2021 tăng khoảng 31 tỷ so với năm 2020, tuy nhiên với tình hình kinh tế khó khăn trong giai đoạn bùng phát với dịch bệnh Covid-19, hoạt động kinh doanh của TDW cũng đã chịu nhiều tác động tiêu cực. Đặc biệt trong thời gian giãn cách xã hội làm gia tăng chi phí quản lý, chi phí phòng dịch và hỗ trợ cán bộ công nhân viên của Công ty, chi phí miễn 100% tiền nước cho các hộ nghèo, cận nghèo; khu cách ly tập trung và bệnh viện điều trị Covid-19.

Chính vì vậy, các chỉ số đánh giá khả năng sinh lời như Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu, hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần của Công ty trong năm vừa qua đều có xu hướng giảm lần lượt là: 3,08%, 17,97%, 7,72% và 3,31% năm 2021.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm qua, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: Không có



Cơ cấu cổ đông: Căn cứ theo danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	4.335.000	43.350.000.000	51,00
II	Cổ đông lớn khác	3.754.720	37.547.200.000	44,17
1	Trong nước	3.754.720	37.547.200.000	44,17
2	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ đông khác	410.280	4.102.800.000	4,83
1	Trong nước	165.900	1.659.000.000	1,96
2	Nước ngoài	244.380	2.443.800.000	2,87
Tổng cộng (I+II+III)		8.500.000	85.000.000.000	100

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Số 01 Công trường Quốc tế, P6, quận 3, Tp.HCM	4.335.000	51,00
2	Công ty TNHH nước sạch REE	364 Cộng Hòa, P.13, quận Tân Bình, Tp.HCM	3.754.720	44,17



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG):

Trực tiếp:

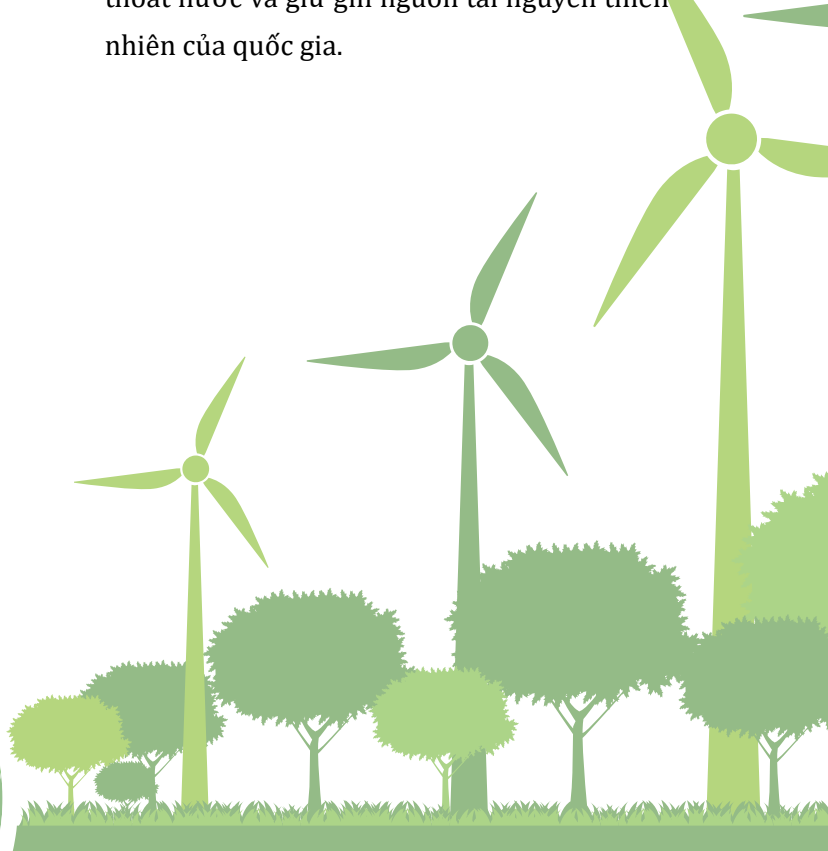
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu mua nước và phân phối nước đến khách hàng, nên hầu như lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp vào môi trường rất ít. Lượng khí thải chủ yếu đến từ phương tiện di chuyển của Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo luôn chủ động đưa ra kế hoạch sử dụng phương tiện di chuyển sao cho hiệu quả và tối ưu nhất nhằm hạn chế tối đa lượng khí thải ra môi trường.

Gián tiếp:

- Trong quá trình hoạt động của Công ty, nguồn năng lượng chính được sử dụng tại các khu vực văn phòng là điện năng, việc này gây ảnh hưởng gián tiếp đến việc phát thải khí nhà kính. Do vậy, Công ty luôn quán triệt tinh thần nhân viên về ý thức sử dụng tiết kiệm điện đồng thời quản lý, phân phối điện hợp lý cho từng khu vực bộ phận.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực phân phối, cung cấp nước sạch cho người dân tại khu vực quận 2, quận 9, quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức). Do đó, nguồn nước của doanh nghiệp chủ yếu được lấy từ Nhà máy nước Thủ Đức, đây là nhà máy có công suất lớn nhất trong khu vực miền Nam. Công tác đánh giá, thẩm định chất lượng nước của Công ty luôn được thực hiện thường xuyên dựa theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, đồng thời thực hiện kiểm tra ống dẫn nước thường xuyên nhằm hạn chế thất thoát nước và giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên của quốc gia.



Tiêu thụ năng lượng

Đối với hoạt động kinh doanh của TDW, nguồn điện năng giữ vai trò then chốt trong quá trình vận hành Công ty, đây cũng là nguồn lực chính phục vụ cho khu vực văn phòng. Tuy nhiên, trong bối cảnh sử dụng quá mức nguồn năng lượng sẽ dẫn đến việc trữ lượng tài nguyên bị suy giảm. Vì vậy, Công ty luôn thực hiện chủ trương sử dụng hợp lý nguồn nhiên liệu này và khuyến khích tập thể người lao động tiết kiệm nhiên liệu trong sản xuất và đời sống.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn nghiêm túc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

Tiêu thụ nước

- Nguồn nước đầu vào mua từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và được phân phối đến các hộ dân trong khu vực bằng mạng lưới cấp nước cấp 3.
- Trong năm 2021, Công ty đã phân phối 97.264.170 m³ cho khách hàng và giảm tỷ lệ thất thoát nước từ 15,30% xuống còn 14,16%. TDW luôn ý thức được trách nhiệm của mình trong hoạt động tiêu thụ và sử dụng nguồn nước hợp lý, luôn chú trọng các chính sách khuyến khích cán bộ công nhân viên tiết kiệm nguồn nước tại công ty và trong đời sống hằng ngày.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động hiện tại của Công ty là: 415 người
- Mức lương bình quân: 18.700.000 đồng/người/tháng

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Đảm bảo thời gian làm việc của người lao động theo quy định của Luật Lao động;
- Cung cấp đầy đủ trang bị đồng phục, đồ bảo hộ lao động, phương tiện làm việc cho người lao động;
- Toàn thể cán bộ công nhân viên đều được ký hợp đồng lao động và được hưởng đầy đủ chế độ theo quy định nhằm bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm nhân thọ và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;
- Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người lao động như Hội thao, văn nghệ, hội thi Bàn tay vàng,... nhằm tăng cường thể lực, sức khoẻ, tái tạo sức lao động để làm việc hiệu quả và tốt hơn;
- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn;
- Xây dựng quỹ Tương trợ xã hội nhằm hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn và bệnh nan y hiểm nghèo trong Công ty.

Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2021, Công ty đã tổ chức các buổi đào tạo cho người lao động tham gia với mục đích nâng cao tay nghề, chuyên môn, kiến thức. Ngoài ra, nhân viên còn được tham gia các lớp tập huấn chuyên đề về đầu tư xây dựng, công tác kế toán tài chính, nghiệp vụ đấu thầu, lao động tiền lương và đảm bảo an toàn vệ sinh lao động,...Việc tổ chức đăng ký dự thi tay nghề được thực hiện đúng đối tượng, đúng thời hạn.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc hoạt động kinh doanh, Công ty cũng thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương. Vì vậy, mọi hoạt động của Công ty đều đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về lợi ích kinh tế doanh nghiệp và lợi ích xã hội.

Về môi trường:

- Tuân thủ quy trình phân phối, xử lý nước nhằm hạn chế tối đa các tác nhân gây hại ra môi trường, giữ gìn vệ sinh khu vực Công ty

Về an sinh xã hội:

- Thăm, tặng quà, trao tiền phụng dưỡng cho thương binh và gia đình có công với cách mạng tại Đường 4, phường Phước Bình, Quận 9 và khu phố Tân Thắng, Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương với số tiền 25.200.000 đồng.
- Hướng ứng phong trào vì cộng đồng “Lá lành đùm lá rách”, giữ gìn và phát huy truyền thống tương thân tương ái, công đoàn đã thăm và tặng quà cho 100 hộ dân tại xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với số tiền là 30.000.000 đồng.
- Chi 20 phần quà ủng hộ chương trình tặng quà “Vì nạn nhân chất độc da cam” tại huyện Hóc Môn. Tổng tiền: 10.000.000 đồng.
- Hỗ trợ xây dựng nhà tình thương tại ấp Hòa Dân, xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp với số tiền 50.000.000 đồng.
- Hỗ trợ nhân viên đơn vị bạn bị bệnh hiểm nghèo, với số tiền 10.000.000 đồng.
- Hỗ trợ thăm hỏi, động viên các chiến sĩ bộ đội tại Tiểu đoàn 16, Sư đoàn 5 kết nghĩa tại tỉnh Tây Ninh, với số tiền 2.000.000 đồng.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

**Báo cáo tác động liên quan đến môi trường
và xã hội của Công ty**



03





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và kết quả hoạt động

THUẬN LỢI

- Thành phố Thủ Đức được thành lập trên cơ sở sáp nhập Quận 2, 9 và quận Thủ Đức trực thuộc thành phố Hồ Chí Minh. Trong tương lai, khu vực hoạt động của TDW sẽ trở thành khu vực sầm uất nhất TP.HCM với sự gia tăng mật độ dân số và sự phát triển ồ ạt của các khu đô thị tại đây. Nhằm bắt được tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã nhanh chóng lập kế hoạch kinh doanh nhằm đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của người dân và cũng như tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp;
- Được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ của Đảng ủy; Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chức năng trực thuộc Tổng Công ty.
- Có sự đoàn kết, gắn bó trong đơn vị và sự chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, Hội Đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty tạo điều kiện nâng cao hiệu quả công việc.
- Được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác thống kê số hộ chưa được cấp nước; nhanh chóng cấp phép đào đường, hỗ trợ giải quyết, kiểm tra đối với các trường hợp gian lận trong việc sử dụng nước của khách hàng.
- Các phòng, Ban, Đội đã nỗ lực phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, đầu tư xây dựng và đợt “thi đua 90 ngày đêm nước rút hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021”

KHÓ KHĂN

Chi phí đầu vào thay đổi theo thị trường làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

Công tác thỏa thuận tuyến ống và chờ bàn giao mặt bằng thi công còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến một số dự án thực hiện chậm so với kế hoạch đề ra;

Tình hình dịch bệnh trong năm qua đã tác động rất lớn đến nền kinh tế trong nước, các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề khi phải thực hiện các lệnh giãn cách của Chính phủ dẫn đến nhiều nhà máy phải ngừng hoạt động, dân cư về quê tránh dịch làm giảm nhu cầu sử dụng nước tác động đến doanh thu của công ty trong năm.

Những tiến bộ công ty đã đạt được

STT	Chỉ tiêu	Triệu đồng		
		Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	452.221	377.502	83,48%
2	Doanh thu thuần	1.008.182	1.039.485	103,10%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	343.178	337.637	98,39%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.501	34.368	77,23%
5	Lợi nhuận khác	-522	5.571	-
6	Lợi nhuận trước thuế	43.979	39.938	90,81%
7	Lợi nhuận sau thuế	35.495	32.015	90,20%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%	12%	100%

Trong năm 2021, Tổng tài sản của Công ty đạt 378 tỷ đồng và tương đương giảm 16,52% so với tổng tài sản năm 2020. Nguyên nhân chính đến từ khoản tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty giảm 60 tỷ đồng tương đương giảm 46,89% so với năm 2020 do trong năm Công ty đã tiến hành thanh toán các khoản nợ phải trả người bán trong ngắn hạn đối với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, Công ty Cổ phần Công Nghệ Bách Việt và một số đối tượng khác.

Doanh thu thuần đạt 1.039 tỷ đồng và tăng 31 tỷ đồng năm 2021 tương đương tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2020, nhờ vào sản lượng tiêu thụ nước trong năm tăng và giá nước bình quân cũng nhẹ. Mặc dù vậy, lợi nhuận của Công ty vẫn giảm do Công ty thực hiện miễn giảm, giãn nợ tiền nước sinh hoạt cho người dân và khu cách ly tập trung, bệnh viện dã chiến và phát sinh chi phí quản lý doanh nghiệp làm cho tổng chi phí của Công ty tăng 2,98 tỷ so với năm trước.



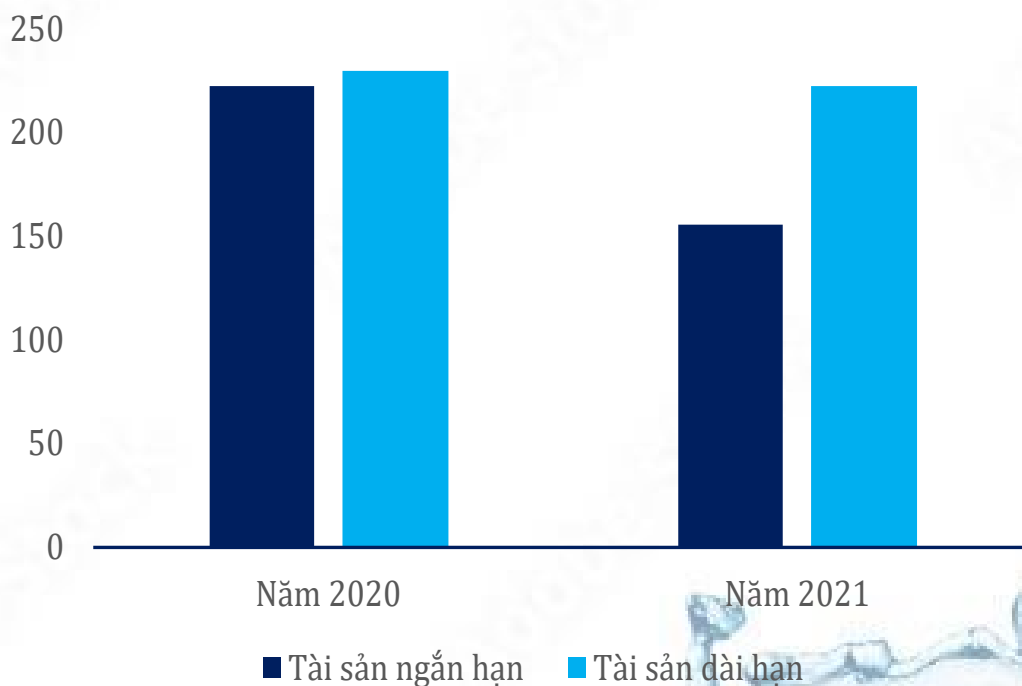
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình tài sản

Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	222.485	155.173	69,75%	49,20%	41,11%
Tài sản dài hạn	229.736	222.324	96,77%	50,80%	58,89%
Tổng tài sản	452.221	377.496	83,48%	100%	100%

Cơ cấu tài sản của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức biến động chủ yếu ở phần tài sản ngắn hạn, khi giá trị tài sản ngắn hạn giảm 67 tỷ đồng năm 2021 tương đương giảm 30,25% so với năm 2020 và tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 41,11% trong tổng tài sản của Công ty. Nguyên nhân giảm chủ yếu do Công ty thanh toán tiền nước cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và tiền mua vật tư, thiết bị của Công ty Bách Việt và một số tổ chức khác.

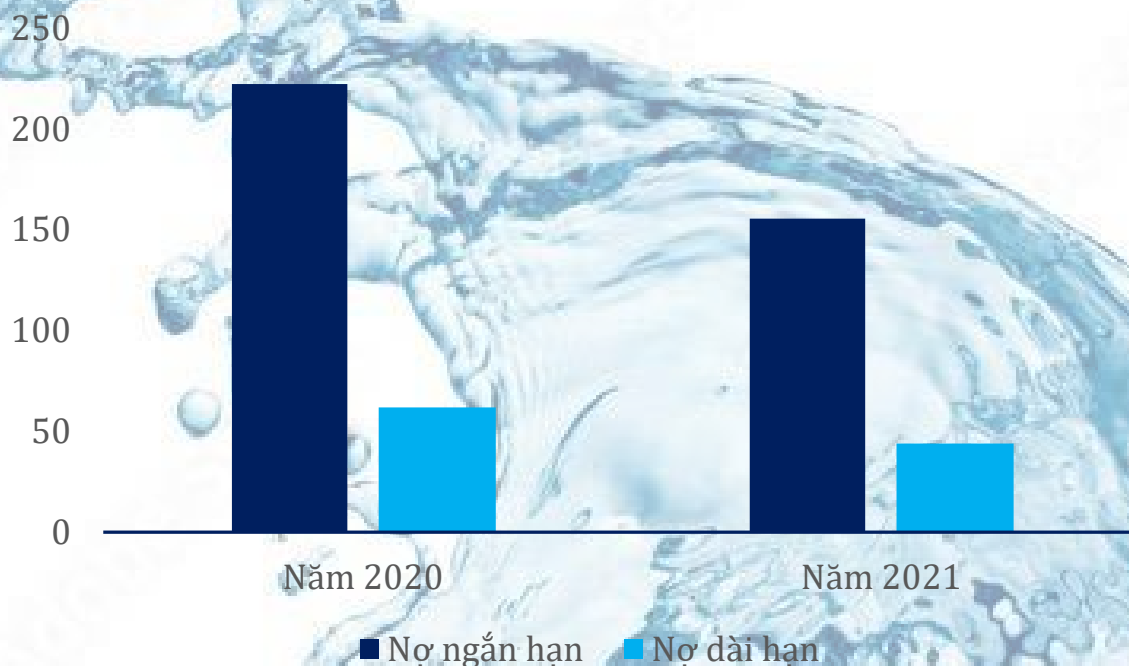


Tình hình nợ phải trả

Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021/ 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	222.161	155.181	69,85%	78,29%	77,85%
Nợ dài hạn	61.606	44.162	71,68%	21,71%	22,15%
Tổng nợ phải trả	283.767	199.341	70,25%	100%	100%

Cơ cấu tài sản của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức biến động chủ yếu ở phần tài sản ngắn hạn, khi giá trị tài sản ngắn hạn giảm 67 tỷ đồng năm 2021 tương đương giảm 30,25% so với năm 2020 và tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 41,11% trong tổng tài sản của Công ty. Nguyên nhân giảm chủ yếu do Công ty thanh toán tiền nước cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và tiền mua vật tư, thiết bị của Công ty Bách Việt và một số tổ chức khác.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty đã tiến hành cải cách các chính sách quản lý đối với cán bộ công nhân viên trong tổ chức, cụ thể như sau:

Về công tác nhân sự

- Nhằm đảm bảo nhân sự được sắp xếp và bố trí công tác một cách hợp lý, Công ty luôn xem xét tuyển dụng người lao động trên cơ sở phù hợp với vị trí và tính chất công việc của từng bộ phận. Ngoài ra, việc xét nâng bậc lương tại từng bộ phận cũng được thực hiện định kỳ theo quy định.
- Cải tiến quy trình giải quyết công việc giữa các phòng, ban, đội. Đồng thời tiếp tục xây dựng hoàn thiện và thực hiện quy trình giải quyết các dịch vụ khách hàng “một cửa một dấu”.

Về công tác đào tạo

Trong năm Công ty tạo điều kiện giới thiệu cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn như thi nâng bậc, đào tạo nâng cao tay nghề của từng bộ phận... qua các khóa học ngắn hạn.

Về công tác hành chính – quản trị

- Quan tâm và cải thiện điều kiện làm việc, chú trọng công tác vệ sinh công sở, tạo điều kiện làm việc tốt nhất để người lao động yên tâm công tác như sửa chữa, trang bị thêm tiện nghi nhà vệ sinh, gắn thêm quạt hút, máy điều hòa nhiệt độ tại các phòng làm việc, phòng lưu trữ hồ sơ, phòng trực sửa bể, tận dụng bố trí mặt bằng làm nơi tập kết vật tư phục vụ công tác thi công...
- Chú trọng việc đảm bảo an ninh trật tự và an toàn phòng chống cháy nổ, trang bị xe đẩy chữa cháy, thường xuyên kiểm tra dụng cụ, phương tiện chữa cháy, kiểm định an toàn hệ thống chống sét, nạp bình chữa cháy theo quy định.
- Phối hợp tốt với lực lượng bảo vệ chuyên trách và Công an Phường, hỗ trợ Phường trong việc lắp đặt camera an ninh trên tuyến đường Thống Nhất, giữ gìn an ninh trật tự trong nội bộ Công ty và trên địa bàn nơi Công ty đặt trụ sở.
- Thường xuyên đánh giá, cập nhật công bố cấp độ dịch tại từng khu vực Thành phố Thủ Đức, có biện pháp trang bị, phòng hộ y tế, sắp xếp bố trí cán bộ, công nhân viên phương thức làm việc phù hợp từng cấp độ, từng địa bàn có dịch nhằm đảm bảo an toàn khi tiếp xúc với khách hàng.
- Tuyên truyền thông tin, tăng cường kiểm tra việc tổ chức triển khai các biện pháp phòng chống dịch tại các Phòng, Ban, Đội. Tuân thủ nghiêm quy tắc ứng xử các hoạt động công vụ và biện pháp phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Mục tiêu

- Gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.
- Bảo toàn, sử dụng hiệu quả đồng vốn của Công ty.
- Duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo và nâng cao thu nhập, chăm lo đời sống tinh thần của cán bộ công nhân lao động.
- Đảm bảo chất lượng nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.
- Tỷ lệ nước thất thoát thất thu: 14,70%.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật.

Nhiệm vụ chủ yếu

- Phát triển mạng lưới cấp nước trên khu vực.
- Phát triển khách hàng sử dụng nước.
- Tiếp tục mở rộng thực hiện phân vùng tách mạng các đồng hồ tổng cho công tác giảm thất thoát nước thất thu.
- Giữ vững tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2022
1. Nước cung cấp	1.000 m ³	102.600
2. Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	1.178.774
3. Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	8.000
4. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	46.639
5. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	38
6. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100
7. Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,70

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Công tác điều hành và tổ chức

Cải tiến quy trình giải quyết công việc giữa các phòng, ban, đội; tiếp tục xây dựng hoàn thiện và thực hiện quy trình giải quyết các dịch vụ khách hàng “một cửa một dấu”, tránh phiền hà cho người dân, nâng cao trách nhiệm và tinh thần phục vụ của bộ phận dịch vụ khách hàng.

Tiếp tục hoàn thiện phương án khoán lương cho các phòng, ban, đội.

Thực hiện tiếp khách hàng lịch sự, văn minh nơi công sở. Triển khai đến từng cán bộ công nhân lao động tiêu chuẩn người công nhân cấp nước.

Rà soát, xây dựng các quy định, quy trình xử lý nợ tiền nước, gian lận, sử dụng nước bất hợp pháp... để giải quyết công việc một cách nhanh chóng, công bằng, khách quan, tránh tình trạng tiêu cực, móc nối với khách hàng.

Đánh giá, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ công nhân lao động làm cơ sở cho việc định hướng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của đơn vị.

Công ty tiếp tục duy trì trang Web với địa chỉ truy cập <http://capnuocthuduc.vn> tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể tra cứu thông tin, trao đổi về các dịch vụ cung cấp của Công ty.

Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng

Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện mô hình “chăm sóc khách hàng” rút ngắn thời gian giải quyết các yêu cầu của khách hàng.

Tuyên truyền giáo dục cán bộ công nhân viên nêu cao tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, phục vụ khách hàng.

Xây dựng quy trình một cách khoa học trong việc giải quyết yêu cầu, đề nghị của khách hàng, tuyệt đối tránh để tồn đọng hồ sơ. Từng phòng, ban, đội xây dựng quy trình làm việc, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.

Đẩy nhanh quy trình gắn đồng hồ nước, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy trình phối hợp thực hiện công tác lắp đặt đồng hồ nước cho khách hàng.

Phối hợp cùng chính quyền địa phương giải quyết nhanh chóng các yêu cầu về cấp nước của người dân.



Tăng sản lượng nước tiêu thụ

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc thực hiện chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ. Cụ thể:

Tăng cường công tác quản lý khách hàng, tiếp tục triển khai công tác chống gian lận nước. Triệt để giải quyết các hóa đơn bằng không; hóa đơn tính trung bình nhiều kỳ. Bộ phận đọc chỉ số đồng hồ nước phải có biện pháp để tiếp cận đồng hồ nước.

Đẩy nhanh công tác phát triển mạng lưới, gắn mới đồng hồ nước cho khách hàng giảm thiểu các giải pháp cấp nước tạm thời bằng xe bồn, cấp nước qua đồng hồ tổng.

Tăng cường công tác kiểm tra các đồng hồ nước có chỉ số tiêu thụ bất thường.

Nâng cao chất lượng mạng lưới cấp nước:

Tăng cường công tác giám sát thi công các công trình phát triển và cải tạo ống mục trên địa bàn quản lý, nhằm đảm bảo công trình thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt. Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý, giám sát các hạng mục khâu lắp, các điểm đấu nối, phối hợp tốt với chính quyền và nhân dân tăng cường công tác giám sát cộng đồng.

Giám sát chặt chẽ công tác vệ sinh đường ống trong quá trình thi công lắp đặt các tuyến ống cấp nước.

Tăng cường công tác kiểm tra và bảo trì trụ cứu hỏa, hòng coi van, ổ khóa trên địa bàn.

Tăng cường công tác quản lý lý lịch đồng hồ nước, tiến hành thay định kỳ đối với các đồng hồ nước đến hạn thay thế.

Tập trung thay đồng hồ nước hư, ngưng chạy, chạy bất thường.

Chống thất thoát nước

Xây dựng Quy chế phối hợp giảm nước thất thoát thất thu trên các DMA, quy tắc đặt mã DMA.

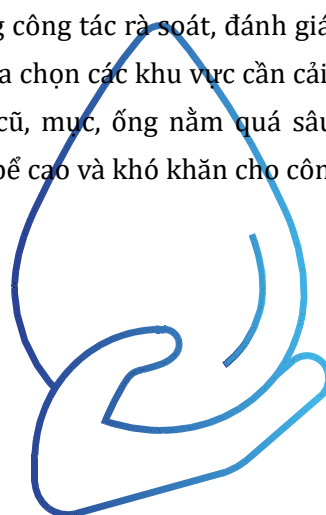
Cập nhật hoàn tất kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước thông minh giai đoạn 2021-2030. Tiến hành các thủ tục liên quan, triển khai thí điểm DMA thông minh năm 2022: quan trắc chất lượng nước, van giám áp điều khiển từ xa, đồng hồ nước thông minh.

Đẩy mạnh công tác dò tìm rò rỉ, chủ động phân loại điểm bể ngầm theo thứ tự ưu tiên sửa bể, lên kế hoạch tiền định vị và thử nghiệm các thiết bị mới.

Tập trung đẩy mạnh công tác cải tạo ống mục có chọn lọc song song công tác phát triển mạng lưới cấp nước, chú trọng thực hiện tại các DMA đang nhân rộng giảm nước thất thoát thất thu.

Tăng cường quản lý, điều tiết áp lực đặc biệt tại các khu vực có áp lực cao; Tiếp tục hoàn chỉnh bản đồ áp lực và mô hình áp lực; Thực hiện vận hành mạng vòng như mạng cụt tại các khu vực đang kim hãm tỷ lệ thất thoát nước.

Tăng cường công tác rà soát, đánh giá dữ liệu bể nhằm lựa chọn các khu vực cần cải tạo, các tuyến ống cũ, mục, ống nằm quá sâu, ... gây nguy cơ xì bể cao và khó khăn cho công tác dò tìm rò rỉ.





BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Công tác kiểm tra

Chủ động kiểm tra rà soát sản lượng, giá biểu, định mức ngay từ khâu nhận hồ sơ khách hàng đến khâu hoàn công... Bấm chỉ toàn bộ đồng hồ nước trên địa bàn quản lý; kiểm tra tình trạng sử dụng nước của khách hàng, tình trạng gian lận nước để xử lý kịp thời trên diện rộng, đồng thời kết hợp với chính quyền địa phương và nhân dân để phát hiện gian lận nước, áp dụng quy chế thưởng hợp lý cho người có công phát hiện gian lận.

Công tác quản lý tài chính, quản lý vật tư tài sản, máy móc thiết bị

- Tổ chức thực hiện quy trình quản lý tài chính, vật tư theo đúng quy định;
- Triển khai kịp thời công tác đấu thầu dự án mua sắm vật tư theo đúng quy định, đảm bảo tính công bằng, lựa chọn nhà thầu có năng lực;
- Cân đối sử dụng hợp lý và quản lý chặt chẽ nguồn vốn;
- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.

Chống lãng phí và thực hành tiết kiệm

Thực hiện chủ trương của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần ổn định hoạt động của đơn vị, công tác chống lãng phí là rất thiết thực và cấp bách, đòi hỏi mỗi cán bộ công nhân lao động phải nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, đây cũng là tiêu chí hàng đầu mà đơn vị đặt ra ngang tầm với chiến lược kinh doanh của đơn vị, các nội dung chính cần thực hành tiết kiệm là:

- Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng tài sản;
- Thực hiện nghiêm chỉnh quy chế tự kiểm tra, công khai dân chủ;
- Tiết kiệm trong lĩnh vực cải cách hành chính, điện thoại, điện, nước;
- Tiết kiệm trong quản lý đầu tư, mua sắm và sử dụng vật tư, máy móc thiết bị;
- Phát hiện và xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cán bộ công nhân lao động.



Phát triển mạng cấp nước, SCOM, gắn và thay đồng hồ nước khách hàng

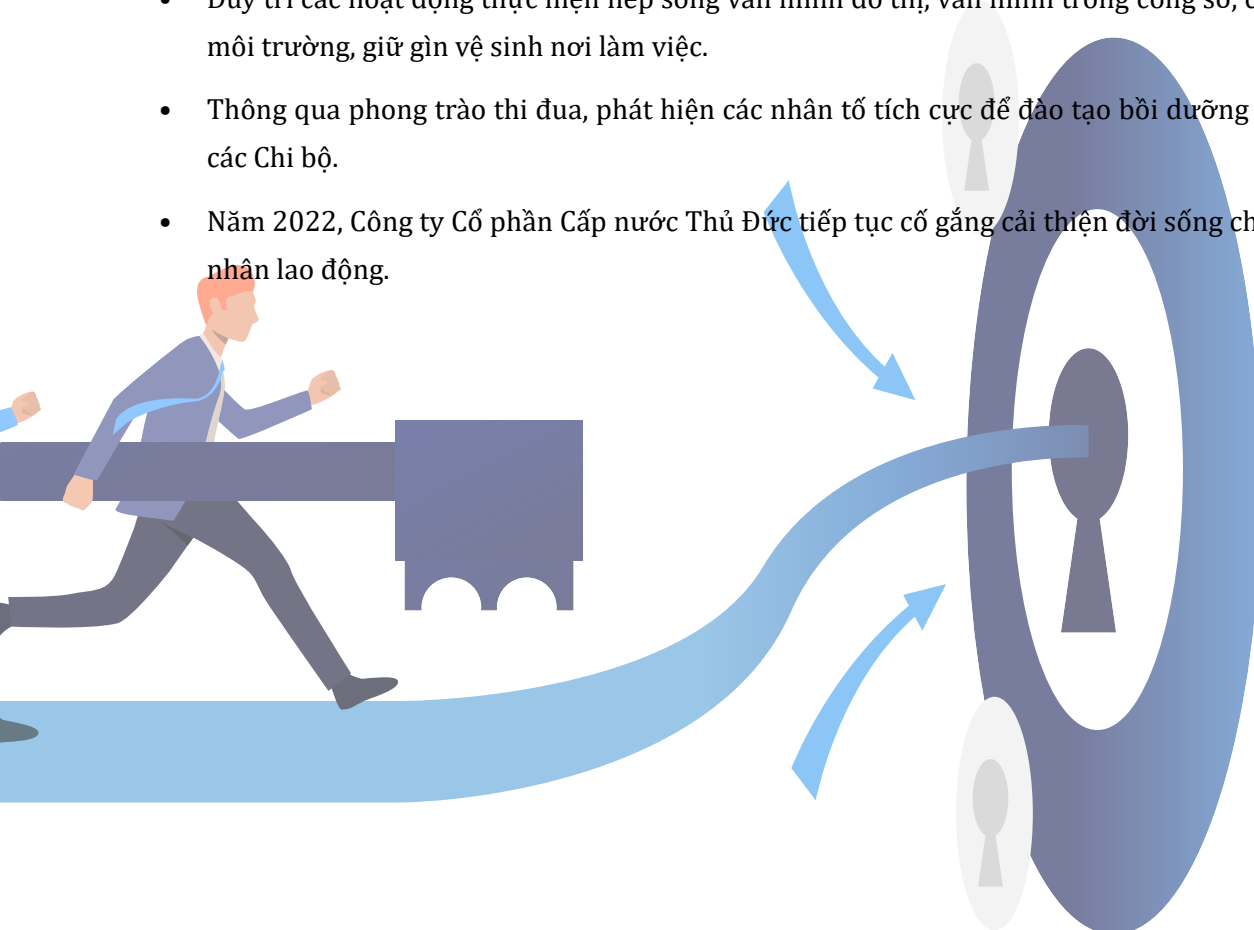
- Chủ động cân đối nguồn vốn thực hiện dự án phát triển mạng lưới cấp nước; Đảm bảo giải quyết 100% các hộ dân được gắn đồng hồ nước ở các khu vực đã có mạng lưới cấp nước.
- Tập trung làm tốt và làm nhanh các hồ sơ dự án ở khâu chuẩn bị đầu tư để chuyển nhanh sang bước thực hiện đầu tư.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa các Phòng, Ban, Đội liên quan để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án.
- Chủ động mua sắm vật tư, trang thiết bị ngay trong quý I để có cơ sở hoàn thành kế hoạch của Công ty.
- Tăng cường công tác giám sát thi công, kiểm tra chất lượng vật tư trước khi thi công, công tác hậu kiểm để đảm bảo chất lượng thi công công trình.

Tập trung thực hiện các dự án sửa chữa ống mục đã được duyệt.

Thống kê các khu vực đường ống có tuổi thọ lâu năm, xì bể nhiều lần để đưa vào kế hoạch cải tạo, thay mới.

Công tác thi đua, đời sống

- Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng chủ động phối hợp phát động phong trào thi đua hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, đồng thời hưởng ứng các đợt thi đua do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức phát động.
- Duy trì các hoạt động thực hiện nếp sống văn minh đô thị, văn minh trong công sở, chống ô nhiễm môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc.
- Thông qua phong trào thi đua, phát hiện các nhân tố tích cực để đào tạo bồi dưỡng giới thiệu cho các Chi bộ.
- Năm 2022, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tiếp tục cố gắng cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân lao động.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Quản lý nguồn nguyên liệu

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức. Nguồn nước cung cấp được lấy từ Nhà máy nước Thủ Đức là nhà máy có công suất lớn nhất khu vực miền Nam. Chất lượng nước cung cấp luôn tuân thủ các quy định do Nhà nước ban hành. Công tác bảo trì, bảo dưỡng đường ống dẫn nước, đồng hồ nước,... cũng được thực hiện thường xuyên nhằm hạn chế tối đa lượng nước thất thoát trong quá trình truyền tải nước từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và từ Nhà máy nước Thủ Đức đến các hộ dân trong khu vực

Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng chính được sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là điện năng. Phần lớn nguồn điện phục vụ cho quá trình vận hành các thiết bị khu văn phòng. Tuy nhiên, Công ty chủ trương sử dụng hợp lý nguồn năng lượng này và khuyến khích tập thể người lao động tiết kiệm điện trong công việc, cũng như trong đời sống.

Tiêu thụ nước:

Hoạt động kinh doanh chính của TDW là cấp nước cho khu vực dân cư, chính vì thế Công ty luôn có chính sách khuyến khích cán bộ, công nhân viên thực hiện phương châm “tiết kiệm nước là tiết kiệm nguồn tài nguyên cho quốc gia”.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Hằng năm, Công ty thực hiện tổ chức các khoá đào tạo, huấn luyện nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý phù hợp với các cấp quản lý và bộ phận lao động. Thêm vào đó, công tác triển khai hoạt động thể thao, văn nghệ để tăng cường giao lưu giữa các phòng ban là một phần không thể thiếu giúp nâng cao tinh thần đoàn kết trong Doanh nghiệp.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng chú trọng và quan tâm đến công tác xã hội, hỗ trợ cuộc sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn kinh doanh của Công ty. Trong năm qua, Công ty đã tổ chức quyên góp, giúp đỡ người nghèo, người già neo đơn trong khu vực, đồng thời tuyên dương, khen thưởng các em học sinh có thành tích cao trong học tập.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

- **Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





04





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Do ảnh hưởng đại của dịch bệnh Covid-19, hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và sự chỉ đạo kịp thời của Ban điều hành, năm 2021 Công ty vẫn đạt được con số khả quan. Công ty cũng đã triển khai mở rộng các kênh thanh toán, dịch vụ thu hộ tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi. Với sự nỗ lực của mình, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã đạt được kết quả như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH2021/KH2021 (%)
A Sản xuất kinh doanh					
1	Nước tiêu thụ	1000 m ³	102.000	97.264	95,36
2	Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	1.119.280	1.034.059	92,39
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100	100	100
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	15,30	14,16	(thấp hơn kế hoạch 1,14%)
B Tài chính					
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.128.240	1.049.485	93,02%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	38.519	32.015	83,12%
3	Cổ tức	%	12	12	100%



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong tình hình dịch Covid-19 chuyển biến phức tạp, Ban giám đốc TDW đã kịp thời triển khai phương án giãn cách xã hội theo chỉ đạo của Chính Phủ và bố trí nhân sự hợp lý để đảm bảo việc cấp nước an toàn, liên tục cho các hộ dân trong khu vực.

Ban giám đốc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.

Năm 2021, mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng Ban giám đốc đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý.

Duy trì chế độ họp nghiệp vụ định kỳ nghiêm túc và hiệu quả, thể hiện được vai trò chỉ huy và thống nhất trong Ban giám đốc.

Ban giám đốc đã có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy và quản lý công việc hiệu quả.

Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị,.... Hội Đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Ban điều hành trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh đã giúp TDW vượt qua những khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh trong năm 2021.





KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong thời gian tới, với quy hoạch phát triển của Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đòi hỏi Công ty phải nỗ lực hơn nữa để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân thành phố; tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Công ty quản lý cũng như của toàn Tp.HCM nói chung. Công ty cần xác định, khai thác các cơ hội trong từng giai đoạn khó khăn thách thức để phát triển. Phát huy thế mạnh của mô hình cổ phần hóa nhằm góp phần tạo sự chủ động trong công tác sản xuất kinh doanh; tập trung sắp xếp hoàn thiện bộ máy tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, kết hợp định hướng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của đơn vị.

Công tác điều hành và quản trị doanh nghiệp

Hội đồng quản trị tiếp tục giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động của doanh nghiệp theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm.

Phối hợp cùng Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập trong quá trình điều hành quản lý Công ty nhằm đưa ra các biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời các rủi ro xảy ra trong hoạt động tài chính.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp.

Rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy trình cho phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế tại doanh nghiệp để tạo sự chủ động, tính chịu trách nhiệm đi kèm, tăng cường kiểm tra giám sát tính tuân thủ và hiệu quả công việc.

Hoàn thiện, kiện toàn bộ máy tổ chức tinh gọn cho phù hợp với hoạt động của công ty cổ phần và xu thế phát triển trong khu vực.

Thành lập tiểu ban để đánh giá, giám sát các dự án đầu tư, quy trình đầu tư để đảm bảo công tác đầu tư xây dựng tại doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định và mang lại hiệu quả đầu tư.

Công tác nhân sự

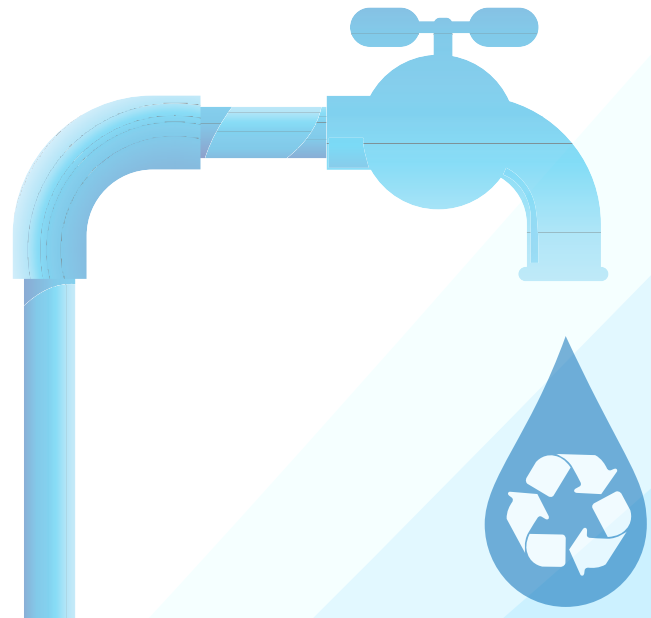
Trọng tâm của kế hoạch nhân sự giai đoạn 2022 – 2027 là chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu nhân sự cho mục tiêu phát triển công ty.

Đội ngũ nhân lực đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển doanh nghiệp, để tạo nền tảng vững mạnh thì cần phải đào tạo người lao động nắm được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc. Muốn xây dựng doanh nghiệp bền vững thì đòi hỏi phải dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao, với kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm dày dặn sẽ thúc đẩy năng suất lao động.

Công tác khác

Tăng cường công tác dân chủ thông qua các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên để xây dựng Công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp bền vững.

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, giúp người lao động yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

**Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**





05





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị xem tại phần II. Tổ chức và nhân sự

Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Hội đồng quản trị / Hội đồng quản trị độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trương Khắc Hoàn	Thành viên	22/04/2021	
2	Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên	22/04/2021	
3	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	22/04/2021	
4	Hứa Trọng Nghi	Thành viên	26/04/2018	22/04/2021
5	Lục Chánh Trường	Thành viên	19/04/2017	22/04/2021
6	Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	19/04/2017	22/04/2021

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao nhất, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Công ty



Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp Hội đồng quản trị tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	6/6	100%	
2	Lê Trọng Thuần	6/6	100%	
3	Đặng Đức Hiền	6/6	100%	
4	Nguyễn Ngọc Hùng	4/4	100%	Bổ nhiệm: 22/4/2021
5	Trương Khắc Hoàn	4/4	100%	Bổ nhiệm: 22/4/2021
6	Nguyễn Anh Tuấn	4/4	100%	Bổ nhiệm: 22/4/2021
7	Hứa Trọng Nghi	2/2	100%	Miễn nhiệm: 22/4/2021
8	Nguyễn Ngọc Thái Bình	2/2	100%	Miễn nhiệm: 22/4/2021
9	Lục Chánh Trường	2/2	100%	Miễn nhiệm: 22/4/2021





Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp, nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	002/NQ-CNTĐ-HDQT	26/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; Đơn giá/Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ năm 2017 đến năm 2021; Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước; Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; Nội dung liên quan đến công tác kiểm toán nội bộ.
2	004/NQ-CNTĐ-HDQT	26/03/2021	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo chỉ tiêu tài chính thực hiện và Dự thảo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; Quỹ lương thực hiện của Người quản lý và Người lao động năm 2020; Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2021; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020 (trình ĐHĐCĐ); Đánh giá xếp loại doanh nghiệp, Người quản lý năm 2020; Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát; Nội dung tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
3	009/NQ-CNTĐ-HDQT	22/04/2021	<ul style="list-style-type: none"> Miễn nhiệm Giám đốc/Phó Giám đốc; Bổ nhiệm Giám đốc/Phó Giám đốc; Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty; Thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ; Nhân sự bộ phận kiểm toán nội bộ; Quy chế và quy trình kiểm toán nội bộ.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
3	639/QĐ-CNTĐ-Hội đồng quản trị	22/04/2021	Bổ nhiệm Giám đốc.
	694/QĐ-CNTĐ-Hội đồng quản trị	22/04/2021	Bổ nhiệm Phó Giám đốc.
	011/ QĐ-CNTĐ-Hội đồng quản trị	22/04/2021	Bổ nhiệm Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ.
	012/ QĐ-CNTĐ-Hội đồng quản trị	22/04/2021	Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ.
4	015/ NQ-CNTĐ-Hội đồng quản trị	28/05/2021	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính quý I năm 2021; Hợp đồng thuê tài sản với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn; Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021; Kế hoạch kiểm toán nội bộ.
5	20/NQ-CNTĐ- Hội đồng quản trị	03/09/2021	<ul style="list-style-type: none"> Điều chỉnh quy mô và tổng mức đầu tư công trình có khối lượng thực tế cao hơn khối lượng kế hoạch; Miễn, giảm, giãn nợ tiền nước sinh hoạt cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid - 19.
6	023/ NQ-CNTĐ-Hội đồng quản trị	28/09/2021	<ul style="list-style-type: none"> Bổ sung ngành nghề kinh doanh; Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch mua sắm vật tư, trang thiết bị năm 2021; Điều chỉnh phạm vi công việc đầu tư xây dựng năm 2021; Thanh lý tài sản cố định; Sơ kết 6 tháng đầu năm 2021; Về việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:
Không có



BAN KIỂM SOÁT

Thông tin lý lịch Thành viên Ban kiểm soát xem tại phần II. Tổ chức và nhân sự

Danh sách thay đổi thành viên Ban kiểm soát trong năm

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Ban Kiểm soát	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	22/04/2021	
2	Lê Văn Diễn	Thành viên	16/04/2017	22/04/2021

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã làm tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo Công ty thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHCĐ, cũng như công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành theo đúng kế hoạch đã đề ra. Công tác kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh được Ban kiểm soát thực hiện thường xuyên. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát thực hiện đánh giá, thẩm định tình hình kinh doanh hằng quý và báo cáo tài chính năm nhằm báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với Hội đồng quản trị về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát. Hội đồng quản trị và Ban điều hành cũng đã tích cực phối hợp với Ban kiểm soát trong việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp Ban kiểm soát trong năm 2021

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	05/05	100%	
2	Hoàng Ngọc Lâm	05/05	100%	
4	Nguyễn Thị Thanh Thảo	05/05	100%	
3	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	04/04	100%	Bổ nhiệm: 22/4/2021
5	Lê Văn Diễn	01/01	100%	Miễn nhiệm: 22/4/2021

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức 05 phiên họp để trao đổi các công việc của Ban và đồng thời tổ chức kiểm tra, ghi nhận kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính hàng quý và cả năm của Công ty. Các thành viên trong Ban kiểm soát tham gia đầy đủ, cụ thể các cuộc họp của Ban kiểm soát như sau :

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	1/BB-CNTĐ-BKS	23/03/2021	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; Xem xét kiểm tra Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán; Đánh giá Công tác kế toán, quản lý sử dụng vốn của Công ty; Thông qua Dự thảo Báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ; Thông qua Dự thảo Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát.
2	2/BB-CNTĐ-BKS	22/04/2021	<ul style="list-style-type: none"> Phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban Kiểm soát năm 2021 (nhiệm kỳ 2017-2022) Đề xuất chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty năm 2021.
3	3/BB-CNTĐ-BKS	25/05/2021	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra và đánh giá các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Quý 1 năm 2021; Thẩm định Báo cáo Tài chính Quý 1/2021.
4	1/BB-Ban Kiểm soát	20/08/2021	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra và đánh giá các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021; Thẩm định Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2021 đã được kiểm toán soát xét.
5	4/BB-CNTĐ-BKS	29/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra và đánh giá các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020; Thẩm định Báo cáo Tài chính Quý III/2021.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đvt: Đồng

STT	Họ và tên	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng	Ghi chú
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	582.295.402	-	70.755.512	-
2	Hứa Trọng Nghi	278.501.363	24.000.000	70.755.512	Tính từ 01/01/2021 đến 22/04/2021
3	Nguyễn Ngọc Hùng	272.468.403	48.000.000		Tính từ 22/4/2021 đến 31/12/2021
4	Đặng Đức Hiền		72.000.000	10.038.889	-
5	Lê Trọng Thuần		72.000.000	18.533.333	-
6	Lục Chánh Trường		24.000.000	18.533.333	Tính từ 01/01/2021 đến 22/04/2021
7	Nguyễn Ngọc Thái Bình		24.000.000	18.533.333	Tính từ 01/01/2021 đến 22/04/2021
8	Trương Khắc Hoàn		48.000.000	-	Tính từ 22/4/2021 đến 31/12/2021
9	Nguyễn Anh Tuấn		48.000.000	-	Tính từ 22/4/2021 đến 31/12/2021
II. BAN ĐIỀU HÀNH					
1	Lâm Tứ Duy	513.059.400	-	63.841.292	-
2	Nguyễn Công Minh	250.584.294	-	63.841.292	Tính từ 01/01/2021 đến 22/04/2021
3	Nguyễn Tuấn Ngọc	245.904.761	-	-	Tính từ 22/4/2021 đến 31/12/2021
III. BAN KIỂM SOÁT					
1	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	-	-	60.614.657	-
2	Hoàng Ngọc Lâm	-	48.000.000	9.266.667	-
3	Lê Văn Diễn	-	16.000.000	9.266.667	Tính từ 01/01/2021 đến 22/04/2021
4	Nguyễn Thị Thanh Thảo	-	48.000.000	9.266.667	-
5	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	-	32.000.000	9.266.667	Tính từ 01/01/2021 đến 22/04/2021

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ Hội đồng quản trị... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Cổ đông lớn nắm giữ 51% (Cổ đông Nhà nước)	0301129367, Ngày cấp: 23/03/2010. Nơi cấp: Sở KHĐT - Tp.HCM	số 01 Công trường Quốc tế - Phường Võ Thị Sáu - Quận 3 - Thành phố	2021	007/NQ- ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021	Xem bảng chi tiết



Giao dịch giữa Công ty và cổ đông lớn tập trung vào Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch; Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước và Hợp đồng thuê tài sản (mạng lưới nước cấp 3) để hoạt động và khai thác, cụ thể như sau:

STT	Số hợp đồng	Ngày	Nội dung	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	1476/HĐ-TCT-KĐVKH	31/03/2021	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (quý I)	187.341.785.414
2	1616/HĐ-TCT-KĐVKH	06/04/2021	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (quý 2)	193.502.955.002
3	2660/HĐ-TCT-KĐVKH	27/05/2021	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (quý 3,4)	379.335.872.562
4	Phụ lục số 01	31/12/2021	Điều chỉnh giảm giá mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 1 đến kỳ 12	-27.418.869.894
5	2976/HĐ-TCT-KĐVKH	14/06/2021	Hợp đồng thuê tài sản hoạt động	12.017.509.518
6	Phụ lục số 01, 2976/HĐ-TCT-KĐVKH	31/12/2021	Phụ lục hợp đồng thuê tài sản hoạt động	91.290.254
7	5200/HĐ-TCT-KHĐT	16/11/2021	Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước	3.562.388.500
Tổng cộng				748.432.931.356

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức luôn tuân thủ và thực hiện đúng quy định pháp luật về việc thực hiện và công bố thông tin. Đồng thời, luôn xem xét các thông lệ và điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật về quản trị công ty cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

Để nâng cao công tác quản trị, Ban điều hành đã thực hiện các công tác nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của phòng, ban, đội cụ thể như sau:

- Cải tiến quy trình giải quyết công việc giữa các phòng, ban, đội; tiếp tục xây dựng hoàn thiện và thực hiện quy trình giải quyết các dịch vụ khách hàng, tránh phiền hà cho người dân, nâng cao trách nhiệm và tinh thần phục vụ của bộ phận dịch vụ khách hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện phương án khoán lương cho các phòng, ban, đội.
- Thực hiện tiếp khách hàng lịch sự, văn minh nơi công sở. Triển khai đến từng cán bộ, công nhân lao động tiêu chuẩn người công nhân cấp nước.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán





06



Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa từ Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 6682/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 04 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304803601 ngày 28 tháng 04 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 85.000.000.000 đồng, vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 85.000.000.000 đồng; tương đương 8.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là TDW) được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 206/QĐ-SGDHCM-17/09/2010 ký bởi Tổng giám đốc Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tổng Đăng Khoa	Chủ tịch	
Ông Lê Trọng Thuần	Thành viên	
Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên	
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2021
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2021
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2021
Ông Hứa Trọng Nghi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2021
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2021
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2021

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/04/2021
Ông Hứa Trọng Nghi	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/04/2021
Ông Lâm Tử Duy	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/04/2021
Ông Nguyễn Công Minh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/04/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng ban	
Ông Hoàng Ngọc Lâm	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2021
Ông Lê Văn Diễn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2021

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Thiết lập và thực hiện hệ thống Kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hùng



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thái

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1623-2018-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Lê Phụng Hiểu, Hanoi, Vietnam

A member of **HLB** International

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		155.178.278.706	222.484.505.307
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	67.787.411.211	127.644.320.566
111	1. Tiền		62.787.411.211	87.644.320.566
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	47.213.583.562	57.213.583.562
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		47.213.583.562	57.213.583.562
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.425.526.159	15.539.959.255
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	15.982.118.659	8.312.088.110
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.428.118.529	6.021.189.858
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.695.838.542	3.965.661.318
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.680.549.571)	(2.758.980.031)
140	IV. Hàng tồn kho	9	12.539.329.071	15.243.593.778
141	1. Hàng tồn kho		12.539.329.071	15.243.593.778
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.212.428.703	6.843.048.146
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	6.240.730.832	5.699.647.377
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		446.394.371	1.143.400.769
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	525.303.500	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		222.323.592.641	229.736.427.534
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		368.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	368.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		208.378.327.763	216.543.520.301
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	207.511.712.367	214.553.920.715
222	- Nguyên giá		793.359.574.680	750.962.849.059
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(585.847.862.313)	(536.408.928.344)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	866.615.396	1.989.599.586
228	- Nguyên giá		8.417.570.168	8.873.660.168
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.550.954.772)	(6.884.060.582)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	5.930.406.162	9.689.562.803
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.930.406.162	9.689.562.803
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.646.858.716	3.503.344.430
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.646.858.716	3.503.344.430
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		377.501.871.347	452.220.932.841

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		199.341.469.615	283.767.124.111
310	I. Nợ ngắn hạn		155.179.847.176	222.161.113.653
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	64.460.647.159	126.173.010.223
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	13.711.154.528	15.813.260.926
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	13.326.756.866	14.644.610.595
314	4. Phải trả người lao động		21.934.295.714	22.652.791.095
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	13.105.872.689	15.415.455.097
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	10.017.192.364	10.773.408.294
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	12.881.569.000	12.881.569.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.742.358.856	3.807.008.423
330	II. Nợ dài hạn		44.161.622.439	61.606.010.458
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	932.880.000	5.512.544.019
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	43.228.742.439	56.093.466.439
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		178.160.401.732	168.453.808.730
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	178.160.401.732	168.453.808.730
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		85.000.000.000	85.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		85.000.000.000	85.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		36.373.209.808	35.682.252.279
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		56.787.191.924	47.771.556.451
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		25.462.756.451	13.198.687.558
421b	LNST chưa phân phối năm nay		31.324.435.473	34.572.868.893
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		377.501.871.347	452.220.932.841

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Ngọc Lành

Cao Hữu Lộc

Nguyễn Ngọc Hùng

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Không Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.039.963.371.916	1.009.047.465.730
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	478.834.768	865.523.361
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.039.484.537.148	1.008.181.942.369
11	4. Giá vốn hàng bán	24	701.847.931.300	665.003.856.935
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		337.636.605.848	343.178.085.434
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.396.551.041	5.818.169.071
22	7. Chi phí tài chính	26	4.325.577.201	6.135.908.242
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.325.577.201	6.135.908.242
25	8. Chi phí bán hàng	27	214.824.813.361	221.256.679.434
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	86.515.158.563	77.102.974.814
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.367.607.764	44.500.692.015
31	11. Thu nhập khác	29	7.604.468.361	523.621.823
32	12. Chi phí khác	30	2.033.703.282	1.045.635.906
40	13. Lợi nhuận khác		5.570.765.079	(522.014.083)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.938.372.843	43.978.677.932
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	7.922.979.841	8.483.388.898
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>32.015.393.002</u>	<u>35.495.289.034</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	3.767	2.751

Người lập

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Lành



Cao Hữu Lộc



Nguyễn Ngọc Hùng

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		39.938.372.843	43.978.677.932
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		53.370.845.125	51.313.113.171
03	- Các khoản dự phòng		921.569.540	907.239.343
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.045.072.041)	(5.818.169.071)
06	- Chi phí lãi vay		4.325.577.201	6.135.908.242
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		96.511.292.668	96.516.769.617
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(5.286.613.691)	(3.019.094.050)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.704.264.707	(176.280.075)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(71.052.291.996)	76.138.736.591
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.684.597.741)	(1.750.471.963)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.350.799.048)	(6.191.103.231)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.125.674.127)	(6.344.740.990)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		663.682	900.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.130.157.249)	(5.584.391.349)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.413.912.795)	149.590.324.550
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(41.062.177.915)	(35.349.649.874)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.153.169	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(82.213.583.562)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	61.273.266.575
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.679.731.186	3.618.191.135
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(29.381.293.560)	(52.671.775.726)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(12.864.724.000)	(12.786.600.000)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.196.979.000)	(10.188.053.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(23.061.703.000)	(22.974.653.750)

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(59.856.909.355)	73.943.895.074
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		127.644.320.566	53.700.425.492
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>67.787.411.211</u>	<u>127.644.320.566</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Ngọc Hùng

Nguyễn Thị Ngọc Lành

Cao Hữu Lộc

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa từ Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 6682/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 04 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304803601 ngày 28 tháng 04 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 85.000.000.000 đồng, vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 85.000.000.000 đồng; tương đương 8.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là TDW) được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 206/QĐ-SGDHCM-17/09/2010 ký bởi Tổng giám đốc Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 415 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 417 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước: Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV);
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Xây dựng công trình cấp nước: Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban giám đốc đảm bảo đã tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm, căn cứ vào khả năng thu hồi để trích lập dự phòng theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng hạng mục công trình sửa chữa, lắp đặt, thi công hệ thống cấp nước chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác như, chi phí xăng xe, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu trong năm.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí trả lãi vay.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Căn cứ Công văn số 2479/CT - TTHT ngày 24/03/2016, Cục thuế TP. Hồ Chí Minh trả lời cho Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức về việc ưu đãi thuế TNDN: Công ty thành lập ngày 18/01/2007 và đầu tư vào ngành nghề thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư là Hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp nên thuế suất ưu đãi thuế TNDN được áp dụng theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 là 10% trong thời gian 13 năm kể từ năm 2009 đến năm 2021, giảm 50% thuế TNDN từ năm 2009 đến năm 2017 (09 năm).

Mức giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 20%.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% đối với hoạt động cấp nước và 20% đối với hoạt động khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Công ty không lập Báo cáo bộ phận do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty đơn thuần là hoạt động cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	2.655.713	36.479.872
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.784.755.498	87.607.840.694
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	40.000.000.000
	67.787.411.211	127.644.320.566

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với lãi suất 3,2%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	47.213.583.562	-	57.213.583.562	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	47.213.583.562	-	57.213.583.562	-
	47.213.583.562	-	57.213.583.562	-

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,9%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Phải thu khách hàng tiền nước cung cấp	15.218.459.758	(2.996.773.398)	7.615.282.559	(2.195.295.726)
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	34.049.800	(34.049.800)	34.049.800	(15.220.888)
- Ban Giải phóng mặt bằng quận Thủ Đức	324.844.522	(324.844.522)	324.844.522	(227.391.165)
- Công ty Cổ phần Dầu tư Đại Hải	142.989.485	(142.989.485)	142.989.485	(142.989.485)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	261.775.094	(181.892.366)	194.921.744	(178.082.767)
	15.982.118.659	(3.680.549.571)	8.312.088.110	(2.758.980.031)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (<i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37</i>)	34.049.800	(34.049.800)	34.049.800	(15.220.888)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.005.696.622	-	1.325.847.926	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Nhân Việt	451.404.270	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng D.N.A	-	-	812.469.018	-
- Công ty TNHH XD - TM - DV - DL Hồng Đăng	-	-	702.384.248	-
- Công ty TNHH Bảo Phú Nam	-	-	682.908.487	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	1.971.017.637	-	2.497.580.179	-
	3.428.118.529	-	6.021.189.858	-
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (<i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37</i>)	-	-	299.682.911	-

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Không Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi	3.802.412.862	-	3.085.593.007	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	21.740.054	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	3.763.628	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	2.318.888	-	-	-
- Tạm ứng	45.000.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	401.400.000	-	401.400.000	-
- Cho mượn vật tư	-	-	38.264.086	-
- Phải thu khác	419.203.110	-	440.404.225	-
	4.695.838.542		3.965.661.318	
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	368.000.000	-	-	-
	368.000.000			



Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ban Giải phóng mặt bằng quận Thủ Đức	324.844.522	-	324.844.522	97.453.357
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Hải	142.989.485	-	142.989.485	-
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	34.049.800	-	34.049.800	10.214.940
- Khách lẻ cung cấp nước	4.700.062.567	1.703.289.169	3.452.803.834	1.257.508.108
+ Năm 2015	1.233.855	-	1.233.855	-
+ Năm 2016	33.091.065	-	33.658.590	-
+ Năm 2017	1.061.094.199	-	1.066.768.294	-
+ Năm 2018	448.997.955	-	511.073.325	153.321.997
+ Năm 2019	739.551.960	221.865.588	919.313.640	459.656.820
+ Năm 2020	1.049.209.455	524.604.727	920.756.130	644.529.291
+ Năm 2021	1.366.884.078	956.818.854	-	-
- Các khoản khác	181.892.366	-	181.892.366	12.423.571
	5.383.838.740	1.703.289.169	4.136.580.007	1.377.599.976

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.316.895.144	-	13.398.924.135	-
Công cụ, dụng cụ	12.884.000	-	25.964.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	209.549.927	-	1.818.705.643	-
	12.539.329.071	-	15.243.593.778	-

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	3.497.505.472	37.277.079.644	700.939.558.669	9.138.305.274	110.400.000	750.962.849.059						
- Mua trong năm	-	681.000.000	1.812.009.186	4.302.091.510	496.000.000	7.291.100.696						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.514.078.629	37.209.195.431	-	-	38.723.274.060						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(720.448.475)	(2.770.208.660)	(126.992.000)	-	(847.440.475)						
- Giảm tài sản do đi đời đường ống	-	-	(2.770.208.660)	-	-	(2.770.208.660)						
Số dư cuối năm	3.497.505.472	38.751.709.798	737.190.554.626	13.313.404.784	606.400.000	793.359.574.680						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	2.525.154.651	25.698.597.575	503.401.735.293	4.729.427.922	54.012.903	536.408.928.344						
- Khấu hao trong năm	292.120.996	4.695.472.280	44.681.042.585	2.969.967.718	65.347.356	52.703.950.935						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(720.448.475)	-	(126.992.000)	-	(847.440.475)						
- Giảm tài sản do đi đời đường ống	-	-	(2.417.576.491)	-	-	(2.417.576.491)						
Số dư cuối năm	2.817.275.647	29.673.621.380	545.665.201.387	7.572.403.640	119.360.259	585.847.862.313						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	972.350.821	11.578.482.069	197.537.823.376	4.408.877.352	56.387.097	214.553.920.715						
Tại ngày cuối năm	680.229.825	9.078.088.418	191.525.353.239	5.741.001.144	487.039.741	207.511.712.367						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 31.466.731.555 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 347.284.649.730 đồng.

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 027/NQ - HDQT ngày 25/07/2018 về việc thống nhất phương án giải quyết hồ sơ pháp lý đối với 12 dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã triển khai thi công năm 2016, 2017 trước khi có quyết định phê duyệt dự án; Bảng tổng hợp chi phí đầu tư thực hiện hoàn thành và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng của 12 dự án do Ban quản lý Dự án cung cấp; Công ty đã tạm ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định 10.503.752.787 đồng trong năm 2019, tạm ghi nhận tăng chi phí phải trả và tạm tính khấu hao đối với các tài sản này (Thông tin bổ sung tại thuyết minh số 17).

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	8.873.660.168	8.873.660.168
- Mua trong năm	70.000.000	70.000.000
- Phân loại lại	(526.090.000)	(526.090.000)
Số dư cuối năm	8.417.570.168	8.417.570.168
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	6.884.060.582	6.884.060.582
- Khấu hao trong năm	713.232.191	713.232.191
- Phân loại lại	(46.338.001)	(46.338.001)
Số dư cuối năm	7.550.954.772	7.550.954.772
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.989.599.586	1.989.599.586
Tại ngày cuối năm	866.615.396	866.615.396

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.637.234.441 đồng.

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Mua sắm	800.000	800.000
- Mua sắm phần mềm	800.000	800.000
Xây dựng cơ bản	5.929.606.162	9.688.762.803
- Cải tạo nâng cấp đường ống	1.492.045.515	498.144.688
- Di dời đường ống cấp nước	2.477.604.571	3.831.710.216
- Lắp đặt đồng hồ tổng, van giảm áp	151.466.085	880.664.364
- Sửa chữa ống mục	1.294.020.380	4.070.341.229
- Các công trình khác	514.469.611	407.902.306
	5.930.406.162	9.689.562.803

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm nhân thọ	6.222.704.485	5.653.401.617
Chi phí liên quan đến phần mềm	18.026.347	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	46.245.760
	<u>6.240.730.832</u>	<u>5.699.647.377</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.454.866.116	3.345.007.398
Chi phí sửa chữa TSCĐ	405.602.957	-
Chi phí liên quan đến phần mềm (*)	3.636.419.596	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	149.970.047	158.337.032
	<u>7.646.858.716</u>	<u>3.503.344.430</u>

(*) Đây chủ yếu là chi phí liên quan đến việc cung cấp bản quyền phần mềm ArcGIS theo chương trình ELA giai đoạn 2019 - 2022 với giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2021 là 3.501.384.600 VND, bản quyền phần mềm có thời hạn sử dụng trong vòng 36 tháng kể từ ngày kích hoạt.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	36.972.314.817	36.972.314.817	100.718.001.835	100.718.001.835
- Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	2.124.435.600	2.124.435.600	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	2.631.477.570	2.631.477.570	1.674.447.500	1.674.447.500
- Công ty TNHH Bảo Phú Nam	1.465.079.471	1.465.079.471	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Nguyên	-	-	1.685.192.189	1.685.192.189
- Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Hồng Đức	1.252.204.376	1.252.204.376	1.223.574.458	1.223.574.458
- Phải trả các đối tượng khác	20.015.135.325	20.015.135.325	20.871.794.241	20.871.794.241
	64.460.647.159	64.460.647.159	126.173.010.223	126.173.010.223
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	37.923.859.454	37.923.859.454	101.840.123.164	101.840.123.164

(Xem thông tin chi tiết tại *Thuyết minh số 37*)

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Khách hàng trả tiền nước chưa giải trách hóa đơn	12.339.070.356	13.933.020.782
- Khách hàng ứng tiền lắp đặt đồng hồ nước	669.104.950	775.803.759
- Người mua trả tiền trước khác	702.979.222	1.104.436.385
	13.711.154.528	15.813.260.926

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Đã trừ số nợ thừa năm trước chuyển sang/Quyết toán thuế		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	4.778.369.897	4.778.369.897	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.725.081.685	7.922.979.841	11.125.674.127	-	-	-	-	-	-	1.522.387.399	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	540.174.743	4.504.532.787	2.960.375.414	(2.609.635.616)	-	-	-	525.303.500	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	660.636.831	660.636.831	-	-	-	-	-	-	11.804.369.467	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	9.287.458.313	93.763.164.307	91.246.253.153	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	91.895.854	373.948.222	465.844.076	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	14.644.610.595	112.006.631.885	111.240.153.498	(2.609.635.616)	-	-	525.303.500	13.326.756.866	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	85.717.420	110.939.267
- Chi phí xây dựng, cải tạo ống nước	187.694.248	351.595.094
- Chi phí hình thành tài sản cố định (*)	10.503.752.787	10.503.752.787
- Chi phí thuê xe bồn	-	151.375.000
- Chi phí thuê mặt bằng	-	294.000.000
- Chi phí tổ chức hội nghị tổng kết cuối năm	622.600.000	1.875.480.000
- Chi phí phải trả khác	1.706.108.234	2.128.312.949
	13.105.872.689	15.415.455.097

(*) Công ty tạm ghi nhận tăng chi phí phải trả 10.503.752.787 đồng, tạm tăng tài sản cố định và tính khấu hao của 12 dự án thi công hệ thống cấp nước đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo quy định (Xem thông tin tại Thuyết minh số 10).

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	101.548.254	104.807.939
- Bảo hiểm xã hội	-	1.917.356.422
- Bảo hiểm y tế	-	339.272.475
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	149.760.072
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.516.436.856	7.876.329.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	167.813.870	164.792.870
- Phải trả tiền nước được miễn giảm do dịch Covid-19	2.219.510.305	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.883.079	221.088.810
	10.017.192.364	10.773.408.294
b) Dài hạn		
- Tiền đền bù di dời đường ống cấp nước được hưởng nhưng chưa xuất hóa đơn do chưa quyết toán	932.880.000	5.512.544.019
+ Ban Giải phóng Mặt bằng Quận Thủ Đức	-	3.023.648.019
+ Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận Thủ Đức	932.880.000	2.488.896.000
	932.880.000	5.512.544.019
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	23.847.000	23.847.000

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.881.569.000	12.881.569.000	12.864.724.000	12.864.724.000	12.881.569.000	12.881.569.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn ⁽¹⁾	8.238.049.000	8.238.049.000	8.221.204.000	8.221.204.000	8.238.049.000	8.238.049.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức ⁽²⁾	1.623.520.000	1.623.520.000	1.623.520.000	1.623.520.000	1.623.520.000	1.623.520.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình Dương ⁽³⁾	3.020.000.000	3.020.000.000	3.020.000.000	3.020.000.000	3.020.000.000	3.020.000.000
	12.881.569.000	12.881.569.000	12.864.724.000	12.864.724.000	12.881.569.000	12.881.569.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn ⁽¹⁾	32.946.603.571	32.946.603.571	-	8.221.204.000	24.725.399.571	24.725.399.571
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức ⁽²⁾	8.117.750.602	8.117.750.602	-	1.623.520.000	6.494.230.602	6.494.230.602
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình Dương ⁽³⁾	15.029.112.266	15.029.112.266	-	3.020.000.000	12.009.112.266	12.009.112.266
	56.093.466.439	56.093.466.439	-	12.864.724.000	43.228.742.439	43.228.742.439
Tổng số dư nợ gốc vay dài hạn	68.975.035.439	68.975.035.439			56.110.311.439	56.110.311.439

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201501035/HĐTD ngày 16/11/2015 với các điều khoản chi tiết sau:
- Tổng hạn mức tín dụng: 85.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Phát triển mạng lưới cấp nước trên địa bàn quận 2, quận 9 và quận Thủ Đức theo Quyết định số 489/QĐ-TCT-KHĐT ngày 27/04/2015 của TCT Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV;
 - Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu;
 - Lãi suất cho vay:
 - + Đối với dư nợ giải ngân từ ngày 01/11/2015 đến hết ngày 31/12/2015: 5,5%/năm;
 - + Đối với dư nợ giải ngân từ ngày 01/01/2016 trở đi: Áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/lần.
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LAV-201501035/HITTL ngày 16/11/2015, Hợp đồng thế chấp Quyền thu tiền số 6220-LAV-201501035/QTT ngày 16/11/2015 và các Hợp đồng bảo đảm tiền vay khác được dẫn chiếu tới Hợp đồng tín dụng này;
 - Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2021: 32.963.448.571 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 8.238.049.000 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 038/042/16/246 ngày 11/11/2016 với các điều khoản chi tiết sau:
- Tổng hạn mức tín dụng: 27.712.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án mạng lưới cấp nước; thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà Bên vay đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo Quyết định đầu tư đối với Dự án mạng lưới cấp nước;
 - Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - Lãi suất cho vay:
 - + Lãi suất áp dụng cố định trong 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 7,5%/năm;
 - + Sau thời gian áp dụng lãi suất cố định: Áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 3 tháng/lần.
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
 - Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2021: 8.117.750.602 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 1.623.520.000 đồng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 0035/TD8/16CD ngày 14/11/2016 với các điều khoản chi tiết sau:
- Tổng hạn mức tín dụng: 46.646.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án mạng lưới cấp nước; thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà Bên vay đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo Quyết định đầu tư đối với Dự án mạng lưới cấp nước;
 - Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - Lãi suất cho vay:
 - + Lãi suất áp dụng cố định trong 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 7,5%/năm;
 - + Sau thời gian áp dụng lãi suất cố định: Áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 3 tháng/lần.
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
 - Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2021: 15.029.112.266 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 3.020.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	33.409.914.787	32.154.804.909	150.564.719.696
Lãi trong năm trước	-	-	35.495.289.034	35.495.289.034
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.349.917.351	(1.349.917.351)	-
Tạm trích Quỹ đầu tư phát triển (từ thuế ưu đãi được miễn giảm)	-	922.420.141	(922.420.141)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	(7.406.200.000)	(7.406.200.000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
Số dư cuối năm trước	85.000.000.000	35.682.252.279	47.771.556.451	168.453.808.730
Số dư đầu năm nay	85.000.000.000	35.682.252.279	47.771.556.451	168.453.808.730
Lãi trong năm nay	-	-	32.015.393.002	32.015.393.002
Tạm trích Quỹ đầu tư phát triển (từ thuế ưu đãi được miễn giảm)	-	690.957.529	(690.957.529)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	(12.108.800.000)	(12.108.800.000)
Chia cổ tức năm 2020 (*)	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
Số dư cuối năm nay	85.000.000.000	36.373.209.808	56.787.191.924	178.160.401.732

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 007/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	35.495.289.034
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2,60	922.420.141
- Đã tạm trích trong năm 2020		922.420.141
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành	34,11	12.108.800.000
Chi trả cổ tức (12% vốn điều lệ)	28,74	10.200.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	34,55	12.264.068.893

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	51,00	43.350.000.000	51,00	43.350.000.000
- Công ty TNHH Nước sạch REE	44,17	37.547.200.000	44,17	37.547.200.000
- Cổ đông khác	4,83	4.102.800.000	4,83	4.102.800.000
	100	85.000.000.000	100	85.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	85.000.000.000	85.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	164.792.870	152.846.620
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	10.200.000.000	10.200.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	10.200.000.000	10.200.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(10.196.979.000)	(10.188.053.750)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(10.196.979.000)	(10.188.053.750)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	167.813.870	164.792.870

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.373.209.808	35.682.252.279
	36.373.209.808	35.682.252.279

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

- Công ty thuê tài sản là hệ thống đường ống cấp nước của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV theo hợp đồng thuê tài sản hoạt động số 2976/HĐ-TCT-KTTC ngày 14/06/2021 và Phụ lục hợp đồng số 6275/PLHĐ-TCT-KTTC về việc điều chỉnh giá thuê ngày 31/12/2021 với tổng giá trị tài sản thuê là 87.553.050.695 đồng, thời hạn thuê là 01 năm từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 9624/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 31/12/2009 tại số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng Công ty. Diện tích khu đất thuê là 2.331,6m².

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ ĐứcSố 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Nợ khó đòi đã xử lý		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Các khách hàng mua nước sạch	3.576.750.903	3.654.355.538
- Các khách hàng gắn đồng hồ nước trả góp	47.395.022	47.395.022
- Truy thu tiền nước	18.705.336	18.705.336
	3.642.851.261	3.720.455.896
22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	1.034.518.855.606	1.002.754.600.962
Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước và cung cấp dịch vụ khác	5.444.516.310	6.292.864.768
	1.039.963.371.916	1.009.047.465.730
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>	2.019.669.092	-
23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	442.125.866	132.921.071
Giảm giá hàng bán	36.708.902	732.602.290
	478.834.768	865.523.361
24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	697.868.326.745	661.977.809.228
Giá vốn lắp đặt đồng hồ nước và cung cấp dịch vụ khác	3.979.604.555	3.026.047.707
	701.847.931.300	665.003.856.935
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>	697.868.326.745	662.037.850.828
25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.396.551.041	5.818.169.071
	2.396.551.041	5.818.169.071
26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.325.577.201	6.135.908.242
	4.325.577.201	6.135.908.242

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	748.751.025	952.784.253
Chi phí nhân công	85.436.445.955	84.126.955.434
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.357.417.693	49.532.694.424
Chi phí gán đồng hồ nước miễn phí	9.175.998.254	12.951.154.479
Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, thay hạ cỡ, thay ĐHN hư	28.855.475.465	33.786.916.189
Chi phí thuê hoạt động hệ thống cấp nước	11.007.999.793	11.567.304.352
Chi phí khác	30.242.725.176	28.338.870.303
	214.824.813.361	221.256.679.434
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>	11.007.999.793	11.567.304.352

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	4.026.519.168	2.741.518.072
Chi phí nhân công	30.831.403.798	27.461.463.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.013.427.432	1.780.418.747
Chi phí dự phòng	921.569.540	907.239.343
Thuế, phí, và lệ phí	1.743.053.726	1.374.443.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.707.044.479	7.910.897.726
Chi phí khác bằng tiền	36.272.140.420	34.926.994.662
	86.515.158.563	77.102.974.814

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.153.169	-
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán vật tư	1.656.982.473	12.399.022
Thu nhập từ bồi thường di dời hệ thống cấp nước	4.985.123.414	-
Thu nhập từ kiểm định đồng hồ nước	20.108.614	53.414.471
Thu nhập từ thu nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ	70.980.345	13.222.700
Thu nhập khác	870.120.346	444.585.630
	7.604.468.361	523.621.823

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ giảm do di dời hệ thống cấp nước	352.632.169	-
Chi phí di dời bồi thường di dời hệ thống cấp nước	-	510.702.856
Giá trị vật tư thanh lý, nhượng bán	416.954.081	12.041.374
Chi phí kiểm định đồng hồ nước	57.659.081	49.762.539
Phí chậm nộp và các khoản bị phạt	284.603.857	38.169.116
Chi phí khác	921.854.094	434.960.021
	2.033.703.282	1.045.635.906

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	39.938.372.843	43.978.677.932
Các khoản điều chỉnh tăng	3.131.314.006	3.050.367.262
- Chi phí không được trừ (*)	3.131.314.006	3.050.367.262
Thu nhập chịu thuế TNDN	43.069.686.849	47.029.045.194
- Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN (thuế suất 10%)	6.909.575.296	9.224.201.415
- Thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (thuế suất 20%)	36.160.111.553	37.804.843.779
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành theo thuế suất phổ thông	8.613.937.370	9.405.809.039
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	(690.957.529)	(922.420.142)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.922.979.841	8.483.388.898
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.725.081.685	2.586.433.777
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(11.125.674.127)	(6.344.740.990)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.522.387.399	4.725.081.685

(*) Trong tổng số 3.131.314.006 đồng chi phí không được trừ, khoản chi phí khấu hao trong năm của 12 công trình tạm tăng được trình bày tại Thuyết minh số 10 là 1.050.375.288 đồng.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	32.015.393.002	35.495.289.034
Các khoản điều chỉnh	-	(12.108.800.000)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(12.108.800.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	32.015.393.002	23.386.489.034
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.500.000	8.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.767	2.751

Việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 sẽ được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trong kỳ họp thường niên năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	737.759.294.826	713.105.337.144
Chi phí nhân công	105.330.872.480	103.004.891.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.370.845.125	51.313.113.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.045.821.467	26.462.997.081
Chi phí khác bằng tiền	76.681.069.326	69.477.172.126
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	1.003.187.903.224	963.363.511.183

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.787.411.211	-	127.644.320.566	-
Phải thu khách hàng	15.982.118.659	(3.680.549.571)	8.312.088.110	(2.758.980.031)
Phải thu khác	4.991.015.972	-	3.965.661.318	-
Các khoản cho vay	47.213.583.562	-	57.213.583.562	-
	135.974.129.404	(3.680.549.571)	197.135.653.556	(2.758.980.031)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			56.110.311.439	68.975.035.439
Phải trả người bán			64.460.647.159	126.173.010.223
Phải trả khác			8.461.199.935	13.609.962.535
Chi phí phải trả			13.105.872.689	15.415.455.097
			142.138.031.222	224.173.463.294

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.787.411.211	-	-	67.787.411.211
Phải thu khách hàng	12.301.569.088	-	-	12.301.569.088
Phải thu khác	4.623.015.972	368.000.000	-	4.991.015.972
Các khoản cho vay	47.213.583.562	-	-	47.213.583.562
	131.925.579.833	368.000.000	-	132.293.579.833
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.644.320.566	-	-	127.644.320.566
Phải thu khách hàng	5.553.108.079	-	-	5.553.108.079
Phải thu khác	3.965.661.318	-	-	3.965.661.318
Các khoản cho vay	57.213.583.562	-	-	57.213.583.562
	194.376.673.525	-	-	194.376.673.525

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	12.881.569.000	43.228.742.439	-	56.110.311.439
Phải trả người bán	64.460.647.159	-	-	64.460.647.159
Phải trả khác	7.528.319.935	932.880.000	-	8.461.199.935
Chi phí phải trả	13.105.872.689	-	-	13.105.872.689
	97.976.408.783	44.161.622.439	-	142.138.031.222
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	12.881.569.000	56.093.466.439	-	68.975.035.439
Phải trả người bán	126.173.010.223	-	-	126.173.010.223
Phải trả khác	8.097.418.516	5.512.544.019	-	13.609.962.535
Chi phí phải trả	15.415.455.097	-	-	15.415.455.097
	162.567.452.836	61.606.010.458	-	224.173.463.294

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	12.864.724.000	12.786.600.000

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.019.669.092	-
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	2.019.669.092	-
Mua hàng hóa, dịch vụ, lãi vay		716.379.182.828	678.522.081.085
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	715.422.416.538	677.565.037.179
+ Mua nước sạch		697.868.326.745	662.037.850.828
+ Mua vật tư		6.376.690.000	3.859.882.000
+ Thuê tài sản		11.007.999.793	11.567.304.352
+ Mua khác		169.400.000	99.999.999
- Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Cùng Công ty mẹ	462.122.000	241.865.000
- Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	141.727.257	258.318.154
- Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông Công Chánh	Cùng Công ty mẹ	183.939.604	258.538.335
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Cùng Công ty mẹ	168.977.429	198.322.417
Chia Cổ tức		9.707.664.000	10.130.145.570
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	5.202.000.000	5.202.000.000
- Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông lớn	4.505.664.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Cổ đông lớn	-	4.928.145.570

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ ĐứcSố 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		34.049.800	34.049.800
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	34.049.800	34.049.800
Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	299.682.911
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	-	164.069.464
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Cùng Công ty mẹ	-	80.225.547
- Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông Công Chánh	Cùng Công ty mẹ	-	55.387.900
Phải trả cho người bán ngắn hạn		37.923.859.454	101.840.123.164
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	36.972.314.817	100.718.001.835
- Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Cùng Công ty mẹ	926.261.329	989.621.329
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Cùng Công ty mẹ	25.283.308	-
- Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	-	132.500.000
Phải trả ngắn hạn khác		23.847.000	23.847.000
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh	Cùng Công ty mẹ	23.847.000	23.847.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập	
		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
- Ông Nguyễn Tổng Đăng Khoa	Chủ tịch Hội đồng quản trị	653.050.914	645.204.432
- Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/04/2021)	320.468.403	-
- Ông Lê Trọng Thuần	Thành viên Hội đồng quản trị	90.533.333	75.132.395
- Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị	82.038.889	39.000.000
- Ông Trương Khắc Hoành	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 22/04/2021)	48.000.000	-
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 22/04/2021)	48.000.000	-
- Ông Hứa Trọng Nghi	Thành viên Hội đồng quản trị Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/04/2021)	373.256.875	717.204.433
- Ông Lục Chánh Trường	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 22/04/2021)	42.533.333	90.794.366
- Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 22/04/2021)	42.533.333	90.794.366

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Số 08, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập	
		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Ông Nguyễn Văn Dụ	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 12/06/2020)	8.494.444	51.794.366
- Ông Lê Hữu Quang	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 07/11/2019)	-	14.095.775
- Ông Lâm Tứ Duy	Phó Giám đốc	576.900.692	582.448.294
- Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/04/2021)	245.904.761	-
- Ông Nguyễn Công Minh	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/04/2021)	314.375.586	578.993.012

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lành

Kế toán trưởng



Cao Hữu Lộc

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC (TDW)
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TP.HCM
Mã số thuế : 0304803601

Mẫu số B03-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

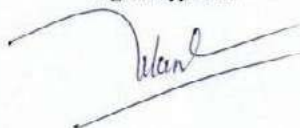
(Theo Phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị Tính: Đồng Việt nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.163.853.454.933	1.161.390.520.377
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(929.302.892.306)	(783.464.610.350)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(86.264.686.172)	(76.569.722.955)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(4.350.799.048)	(6.191.103.231)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(11.125.674.127)	(6.344.740.990)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.378.764.641	17.118.778.727
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(152.602.080.716)	(156.348.797.028)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(7.413.912.795)	149.590.324.550
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(41.062.177.915)	(35.349.649.874)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.153.169	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(82.213.583.562)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	61.273.266.575
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.679.731.186	3.618.191.135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.381.293.560)	(52.671.775.726)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		0	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.864.724.000)	(12.786.600.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.196.979.000)	(10.188.053.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.061.703.000)	(22.974.653.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(59.856.909.355)	73.943.895.074
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		127.644.320.566	53.700.425.492
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		67.787.411.211	127.644.320.566

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Lành

Kế toán trưởng



Cao Hữu Lộc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hùng

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC (TDW)
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 03 năm 2022

**GIẢI TRÌNH CHÉNH LỆCH SỐ LIỆU GIỮA BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021
VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÁ KIỂM TOÁN NĂM 2021**

Do một số sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ nên Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có một số chênh lệch so với Báo cáo tài chính Quý IV năm 2021 đã công bố thông tin ngày 20/01/2022, cụ thể:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DFT: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	SỐ BÁO CÁO QUÝ IV		SỐ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN		CHÉNH LỆCH		NGUYÊN NHÂN
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)-(3)-(1)	(6)-(4)-(2)	(7)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.039.963.371.916	1.009.047.465.730	1.039.963.371.916	1.009.047.465.730	0	0	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		478.834.768	865.523.361	478.834.768	865.523.361	0	0	
- Giảm giá hàng bán			36.708.902	732.602.290	36.708.902	732.602.290	0	0	
- Hàng bán bị trả lại			442.125.866	132.921.071	442.125.866	132.921.071	0	0	
3. Doanh thu thuần (10-01-03)	10	VI.3	1.039.484.537.148	1.008.181.942.369	1.039.484.537.148	1.008.181.942.369	0	0	
4. Giá vốn hàng bán	11		701.847.931.300	665.003.856.935	701.847.931.300	665.003.856.935	0	0	
5. Lợi nhuận gộp (20-10-11)	20		337.636.605.848	343.178.085.434	337.636.605.848	343.178.085.434	0	0	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.396.551.041	5.818.169.071	2.396.551.041	5.818.169.071	0	0	
7. Chi phí tài chính	22		4.325.577.201	6.135.908.242	4.325.577.201	6.135.908.242	0	0	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		4.325.577.201	6.135.908.242	4.325.577.201	6.135.908.242	0	0	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.9.b	216.780.516.807	221.256.679.434	214.824.813.361	221.256.679.434	-1.955.703.446	0	- Giảm chi phí do Công ty điều chỉnh quyết toán quý lương thực hiện năm 2021.
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9.a	86.040.534.737	77.102.974.814	86.515.158.563	77.102.974.814	474.623.826	0	- Giám chi phí do Công ty điều chỉnh quyết toán quý lương thực hiện năm 2021: chi phí lương giảm 335.420.554 đồng và kinh phí hỗ trợ hoạt động tổ chức Đảng giảm 11.455.620 đồng. - Bổ sung Chi phí thực hiện công tác 90 ngày đêm nước rút hoàn thành nhiệm vụ 821.500.000 đồng.
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		32.886.528.144	44.500.692.015	34.367.607.764	44.500.692.015	1.481.079.620	0	
11. Thu nhập khác	31		7.604.468.361	523.621.823	7.604.468.361	523.621.823	0	0	
12. Chi phí khác	32		2.033.703.282	1.045.635.906	2.033.703.282	1.045.635.906	0	0	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.570.765.079	-522.014.083	5.570.765.079	-522.014.083	0	0	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.457.293.223	43.978.677.932	39.938.372.843	43.978.677.932	1.481.079.620	0	- Tổng hợp các bút toán điều chỉnh trên làm lợi nhuận trước thuế tăng.



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	SỐ BÁO CÁO QUÝ IV		SỐ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN		CHÉNH LỆCH		NGUYÊN NHÂN
		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G) = (E) - (F)	(H) = (D) - (F)	(I)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.470.224.029	8.483.388.898	7.922.979.841	8.483.388.898	452.755.812	0	- Tổng hợp các bút toán điều chỉnh trên làm tăng số thuế phải nộp.
- Thuế TNDN được miễn giảm tại đất		645.012.017	922.420.141	690.957.529	922.420.141	45.945.512	0	
- Thuế TNDN phải nộp (10%)		645.012.017	922.420.142	690.957.530	922.420.142	45.945.513	0	
- Thuế TNDN phải nộp (20%)		6.825.212.012	7.560.968.756	7.232.022.311	7.560.968.756	406.810.299	0	
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60	30.987.069.194	35.495.289.034	32.015.393.002	35.495.289.034	1.028.323.808	0	- Tổng hợp các bút toán điều chỉnh trên làm lợi nhuận sau thuế tăng.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	SỐ BÁO CÁO QUÝ IV		SỐ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN		CHÉNH LỆCH		NGUYÊN NHÂN
			31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G) = (E) - (F)	(H) = (D) - (F)	(I)	
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		155.257.982.037	222.484.505.307	155.178.278.706	222.484.505.307	-79.703.331	0	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		67.787.411.211	127.644.320.566	67.787.411.211	127.644.320.566	0	0	
1. Tiền	111		62.787.411.211	87.644.320.566	62.787.411.211	87.644.320.566	0	0	
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	40.000.000.000	5.000.000.000	40.000.000.000	0	0	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		47.213.583.562	57.213.583.562	47.213.583.562	57.213.583.562	0	0	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V2	47.213.583.562	57.213.583.562	47.213.583.562	57.213.583.562	0	0	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.505.229.490	15.539.959.255	20.425.526.159	15.539.959.255	-79.703.331	0	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		15.982.118.659	8.312.088.110	15.982.118.659	8.312.088.110	0	0	Điều chỉnh mã nhà cung cấp do hạch toán nhầm đối tượng.
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.513.083.860	6.021.189.858	3.428.118.529	6.021.189.858	-84.965.331	0	Tăng khoản phải thu: chi phí hỗ trợ kinh phí hoạt động Đảng do điều chỉnh giảm quỹ lương.
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		4.690.576.542	3.965.661.318	4.695.838.542	3.965.661.318	5.262.000	0	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-3.680.549.571	-2.758.980.031	-3.680.549.571	-2.758.980.031	0	0	
IV. Hàng tồn kho	140		12.539.329.071	15.243.593.778	12.539.329.071	15.243.593.778	0	0	
1. Hàng tồn kho	141		12.539.329.071	15.243.593.778	12.539.329.071	15.243.593.778	0	0	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0	0	0	0	0	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.212.428.703	6.843.048.146	7.212.428.703	6.843.048.146	0	0	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.240.730.832	5.699.647.377	6.240.730.832	5.699.647.377	0	0	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		446.394.371	1.143.400.769	446.394.371	1.143.400.769	0	0	
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153		525.303.500	0	525.303.500	0	0	0	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	SỐ BÁO CÁO QUÝ IV		SỐ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN		CHÉNH LỆCH		NGUYÊN NHÂN
			31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)-(1)	(6)-(2)	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200-210+220+230+240+250+260)									
I. Các khoản phải thu dài hạn	200		222.144.146.008	229.736.427.534	222.323.592.641	229.736.427.534	179.446.633	0	(7)
1. Phải thu dài hạn khác	210		368.000.000	0	368.000.000	0	0	0	
II. Tài sản cố định	220		208.378.327.763	216.543.520.301	208.378.327.763	216.543.520.301	0	0	
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9	207.511.712.367	214.553.920.715	207.511.712.367	214.553.920.715	0	0	
- Nguyên giá	222		793.359.574.680	750.962.849.059	793.359.574.680	750.962.849.059	0	0	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-585.847.862.313	-536.408.928.344	-585.847.862.313	-536.408.928.344	0	0	
2. TSCĐ vô hình	227	V.10	866.615.396	1.989.599.586	866.615.396	1.989.599.586	0	0	
- Nguyên giá	228		8.417.570.168	8.873.660.168	8.417.570.168	8.873.660.168	0	0	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-7.550.954.772	-6.884.060.582	-7.550.954.772	-6.884.060.582	0	0	
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0	0	0	0	0	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.750.959.529	9.689.562.803	5.930.406.162	9.689.562.803	179.446.633	0	lịch toán bổ sung Chi phí tư vấn giám sát, tư vấn khảo sát xây dựng, lập BCKTKT SCOM tăng áp tuyến ống OD280 Đường Phạm Văn Đồng (từ cầu Bình Triệu đến đường 18), P.HBC, Q.TĐ do đã hồ sơ quyết toán chi phí tư vấn.
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	5.750.959.529	9.689.562.803	5.930.406.162	9.689.562.803	179.446.633	0	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0	0	0	0	0	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.646.858.716	3.503.344.430	7.646.858.716	3.503.344.430	0	0	
I. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.646.858.716	3.503.344.430	7.646.858.716	3.503.344.430	0	0	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		377.402.128.045	452.220.932.841	377.501.871.347	452.220.932.841	99.743.302	0	
C - NỢ PHẢI TRẢ (300-310-330)									
I. Nợ ngắn hạn	300		200.270.050.121	283.767.124.111	199.341.469.615	283.767.124.111	-928.580.506	0	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	310		156.108.427.682	222.161.113.653	155.179.847.176	222.161.113.653	-928.580.506	0	Điều chỉnh mã nhà cung cấp do hạch toán nhầm đối tượng
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	64.545.612.490	126.173.010.223	64.460.647.159	126.173.010.223	-84.965.331	0	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		13.711.154.528	15.813.260.926	13.711.154.528	15.813.260.926	0	0	Thuế phải nộp tăng do ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh.
4. Phải trả người lao động	314		24.225.419.714	22.652.791.095	21.934.295.714	22.652.791.095	-2.291.124.000	0	- Điều chỉnh giảm do Công ty điều chỉnh quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2021.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)

Chỉ tiêu (A)	Mã số (B)	Thuyết minh (C)	SỐ BÁO CÁO QUÝ IV		SỐ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN		CHÉNH LỆCH		NGUYÊN NHÂN
			31/12/2021 (1)	01/01/2021 (2)	31/12/2021 (3)	01/01/2021 (4)	31/12/2021 (5) = (3) - (1)	01/01/2021 (6) = (4) - (2)	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		12.111.119.676	15.415.455.097	13.105.872.689	15.415.455.097	994.753.013	0	- Điều chỉnh giảm kinh phí hỗ trợ hoạt động tổ chức Đảng 6.193.620 đồng do quyết toán quỹ lương; - Bổ sung Chi phí thực hiện công tác 90 ngày đêm nước rút hoàn thành nhiệm vụ 821.500.000 đồng; - Bổ sung Chi phí tư vấn giám sát, tư vấn khảo sát xây dựng, lập BCKTKT; 179.446.633 đồng do đã có hồ sơ quyết toán.
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		10.017.192.364	10.773.408.294	10.017.192.364	10.773.408.294	0	0	
7. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	V.12	12.881.569.000	12.881.569.000	12.881.569.000	12.881.569.000	0	0	
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0	0	0	0	0	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.742.358.856	3.807.008.423	5.742.358.856	3.807.008.423	0	0	
II. Nợ dài hạn	330		44.161.622.439	61.606.010.458	44.161.622.439	61.606.010.458	0	0	
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	0	0	0	0	0	0	
2. Phải trả dài hạn khác	337		932.880.000	5.512.544.019	932.880.000	5.512.544.019	0	0	
3. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	V.12	43.228.742.439	56.093.466.439	43.228.742.439	56.093.466.439	0	0	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400-410+430)	400		177.132.077.924	168.453.808.730	178.160.401.732	168.453.808.730	1.028.323.808	0	
I. Vốn chủ sở hữu	410		177.132.077.924	168.453.808.730	178.160.401.732	168.453.808.730	1.028.323.808	0	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000	0	0	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		85.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000	0	0	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.327.264.296	35.682.252.279	36.373.209.808	35.682.252.279	45.945.512	0	Điều chỉnh tăng Quỹ đầu tư phát triển do xác định lại thuế TNDN ưu đãi năm 2021
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.804.813.628	47.771.556.451	56.787.191.924	47.771.556.451	982.378.296	0	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		25.462.756.451	13.198.687.558	25.462.756.451	13.198.687.558	0	0	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		30.342.057.177	34.572.868.893	31.324.435.473	34.572.868.893	982.378.296	0	Lợi nhuận tăng do ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh.
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0	0	0	0	0	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		377.402.128.045	452.220.932.841	377.501.871.347	452.220.932.841	99.743.302	0	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

Chi tiêu	Mã số	Số báo cáo quý IV		Số báo cáo của kiểm toán		Chênh lệch		Nguyên nhân
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G) - (D) - (I)	(H) - (F) - (I)	(I)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH								
1. Lợi nhuận trước thuế:	01	38.457.293.223	43.978.677.932	39.938.372.843	43.978.677.932	1.481.079.620	0	Lợi nhuận tăng do ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh.
2. Điều chỉnh cho các khoản:		56.572.919.825	52.538.091.685	56.572.919.825	52.538.091.685	0	0	
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	53.370.845.125	51.313.113.171	53.370.845.125	51.313.113.171	0	0	
- Các khoản dự phòng	03	921.569.540	907.239.343	921.569.540	907.239.343	0	0	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-2.045.072.041	-5.818.169.071	-2.045.072.041	-5.818.169.071	0	0	
- Chi phí lãi vay	06	4.325.577.201	6.135.908.242	4.325.577.201	6.135.908.242	0	0	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	95.030.213.048	96.516.769.617	96.511.292.668	96.516.769.617	1.481.079.620	0	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	-5.366.317.022	-3.019.094.050	-5.286.613.691	-3.019.094.050	79.703.331	0	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.704.264.707	-176.280.075	2.704.264.707	-176.280.075	0	0	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	-69.491.509.045	76.138.736.591	-71.052.291.996	76.138.736.591	-1.560.782.951	0	Xem nguyên nhân của mã số 311, 313, 314 và 315 của Bảng cân đối kế toán
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	-4.684.597.741	-1.750.471.963	-4.684.597.741	-1.750.471.963	0	0	
- Tiền lãi vay đã trả	14	-4.350.799.048	-6.191.103.231	-4.350.799.048	-6.191.103.231	0	0	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-11.125.674.127	-6.344.740.990	-11.125.674.127	-6.344.740.990	0	0	
- Tiền thu khác từ hoạt động KD	16	663.682	900.000	663.682	900.000	0	0	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-10.130.157.249	-5.584.391.349	-10.130.157.249	-5.584.391.349	0	0	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	-7.413.912.795	149.590.324.550	-7.413.912.795	149.590.324.550	0	0	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ								
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-41.062.177.915	-35.349.649.874	-41.062.177.915	-35.349.649.874	0	0	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.153.169	0	1.153.169	0	0	0	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	-82.213.583.562	0	-82.213.583.562	0	0	
4. Tiền thu bởi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	61.273.266.575	10.000.000.000	61.273.266.575	0	0	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.679.731.186	3.618.191.135	1.679.731.186	3.618.191.135	0	0	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-29.381.293.560	-52.671.775.726	-29.381.293.560	-52.671.775.726	0	0	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP (tếp)

Chi tiêu	Mã số thuế minh	SỐ BAO CÁO QUÝ IV		SỐ BAO CÁO CỦA KIỂM TOÁN		CHÉNH LỆCH		NGUYÊN NHÂN
		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g) = (e) - (f)	(h) = (d) - (f)	(i)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH								
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	0	0	0	0	0	0	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-12.864.724.000	-12.786.600.000	-12.864.724.000	-12.786.600.000	0	0	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-10.196.979.000	-10.188.053.750	-10.196.979.000	-10.188.053.750	0	0	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-23.061.703.000	-22.974.653.750	-23.061.703.000	-22.974.653.750	0	0	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50	-59.856.909.355	73.943.895.074	-59.856.909.355	73.943.895.074	0	0	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	127.644.320.566	53.700.425.492	127.644.320.566	53.700.425.492	0	0	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61							
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	67.787.411.211	127.644.320.566	67.787.411.211	127.644.320.566	0	0	

CHI NHANH CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN AASC
 CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN AASC
 HANG KIEM TOAN AASC
 QUẬN 4 - TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
 CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
 NGUYỄN NGỌC HÙNG
 TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH



(Handwritten signature)



TP.HCM, ngày tháng 04 năm 2022

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NGỌC HÙNG



**“SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG
LÀ ĐỘNG LỰC ĐỂ CÔNG TY PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG”**



08 Khổng Tử, Phường Bình Thới, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh



(84.28) 3896 0240



(84.28) 3896 0241



www.capnuocthuduc.vn